

ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI & CÁC CÂU TRUYỆN VỀ HIẾU DƯỠNG PHỤ MẪU



MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT	8
LƯỢC SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI	9
PHẦN 2	33
CÂU TRUYỆN VỀ HIẾU DƯỠNG PHỤ MẪU	33
1. Lòng Hiếu của con chim Oanh Vũ (Loài vật báo hiếu cha mẹ.)	33
2. Nước mắt mẹ hiền (Phàm phu báo hiếu với cha mẹ)	33
3. Máu Sanh Linh Không Rửa Sạch Tội Lỗi Của Người (Quốc vương báo hiếu cha mẹ đã đúng chưa?)	40
4. Tôn giả Xá Lợi Phất (A La Hán báo hiếu mẹ đã viên mãn chưa?)	44
5. Mục Kiền Liên Tôn Giả (A LA HÁN báo hiếu mẹ đã viên mãn chưa?)	67
6. Lời thề nguyện – Hay Địa Tạng Vương Bồ Tát cứu mẹ (Bồ Tát độ cho mẹ)	70
7. Ngày gặp phụ vương (Đức Phật Thích Ca độ cho cha)	76
8. Tịnh Phạn Vương Niết Bàn (Phật Thích Ca Mâu Ni báo hiếu cha)	79
9. Vì sao phải Niệm Phật?	80

LỜI NÓI ĐẦU

“Chúng-sanh có mỗi thâm ân khó đền đáp, đó là ơn cha mẹ. Giả sử có người suốt đời thường để cha mẹ trên hai vai, cung cấp cho áo mặc thức ăn và mọi thứ cần dùng, khi bệnh lại thuốc thang săn sóc, cũng chưa thể báo được ân sâu ấy. Tại sao thế? Vì ơn cha mẹ đối với con rất cao dày. Đại khái như những việc: chịu khổ lúc mang thai; sanh sản; chăm nom phần bú sữa sủi cơm; thường tắm rửa cho sạch sẽ không kể sự hôi nhơ; dùng lòng từ ái săn sóc nuôi con cho đến khi khôn lớn; cung cấp cho trẻ y phục, thức ăn ngon, đồ chơi hoặc vật trang điểm; dạy dỗ con cách nói năng, những nghi thức, cho học hành; lo lắng khi con đau yếu; tâm thường muốn cho trẻ khỏi khổ được vui; chăm non tưởng nghĩ đến con như bóng theo hình. Ân cha mẹ đã sâu như thế, con phải đền đáp thế nào cho xứng? (Kinh Bản sự).

Trong kinh nói bốn câu “Hiếu dưỡng cha mẹ”:

Thế nào là Dưỡng”? ...“Dưỡng” cái chữ này hay, không chỉ phải dưỡng cái thân của cha mẹ, mà còn phải “dưỡng” cả cái tâm cha mẹ: Chăm sóc đi đứng đời sống tuổi già của cha mẹ, tuổi tác lớn rồi, thể lực suy yếu, cần có người chăm sóc, đây là dưỡng cái thân của cha mẹ. Đời sống đi đứng chăm sóc rồi, nhưng nếu như để cha mẹ thường hay lo buồn, vậy cũng là bất hiếu, chưa thể tận được hiếu. Cha mẹ lo buồn đối với những thứ nào? Đại khái rất khó xả chính là con cháu. Nếu như con cái nhiều, con cái bất hoà họ lo lắng. Con cái bất hoà, con cái đều thành gia rồi, giữa chị em bạn dâu bất hoà, cha mẹ cũng là buồn lo, nếu như con cháu nhiều, quyền thuộc nhiều, cái mà họ buồn, lo, phân tâm sẽ càng nhiều. Do đây có thể biết phải “dưỡng” cái tâm của cha mẹ, để cha mẹ

không có lo buồn, hoan hỉ vui vẻ mà trải qua ngày tháng. Việc này thì không dễ, vì không những gia đình hài hoà, thân tộc hoà thuận, bè bạn hoà kính, đi học ở trường, tôn trọng lão sư, hòa thuận với các đồng học, hữu ái đồng học, làm việc ở trong xã hội, tôn trọng người lãnh đạo của bạn, hoà thuận đối với đồng liêu của bạn, cha mẹ của bạn mới có thể an lòng.

Những người làm đế vương, vì quốc gia, vì địa phương chọn ra nhân tài lãnh đạo, họ đề bạt ra người thế nào vậy? Đề bạt người hiếu tử, nên gọi là *“Trung thân xuất thân từ hiếu tử”*. Những người này họ ở trong nhà có thể tận hiếu, thì được tuyên chọn ra, họ tự nhiên liền có thể tận trung đối với tổ quốc. “Trung hiếu” là một thể, trong đó không có giới hạn.

Thế nhưng chữ hiếu trong nhà Phật thì làm như vậy vẫn chưa được. Bạn làm như vậy, nếu như dùng tiêu chuẩn của nhà Phật để nói, bạn mới làm được đến một phần mười, vẫn còn chín phần mười bạn chưa làm được. Nhưng một phần mười đối với người thế gian mà nói đã là rất viên mãn rồi...(trích Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ - Trang nghiêm – Thanh Tịnh – Bình đẳng – Giác - Kinh – Chủ giảng Pháp sư Tịnh Không – Lần thứ 10, tại đạo tràng cư sĩ Lâm, Singapore –VCD 23)

Thế nào là “Hiếu”? “Nếu cha mẹ đối với Phật, Pháp, Tăng, không có lòng tin tưởng, con phải dùng phương tiện giảng giải, khuyến khích, tán dương về sự lợi ích phụng sự Tam-bảo, cho song thân sanh lòng tin. Như cha mẹ không giữ tịnh giới, con phải khuyên lơn cho thọ trì cấm giới. Nếu song thân chưa hiểu rộng về Phật-pháp, con phải dùng phương tiện khiến cho nghe hiểu chánh-pháp. Hoặc cha mẹ có tánh tham lam bồn sển, không ưa bố thí, con phải giải rõ sự lợi hại trong việc ấy, và khuyên cho sanh tâm rộng rãi, thích làm việc bố thí. Nếu song thân bầm tánh ngu tối, con

phải thường dân giải, khuyến khích về đạo pháp, chỉ phương châm tu hành, cho cha mẹ phần thắng huệ”. (Kinh Bản-Sự)

...«Nhưng dù có làm được như vậy nhưng vì sao Phật pháp nói bạn chưa tận được hiếu? Phật pháp hiểu rõ tường tận sinh mạng là vĩnh hằng, không phải một đời, có đời quá khứ, có đời vị lai, nếu như bạn để cho cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp của bạn vẫn cứ ở trong sáu cõi luân hồi, vậy thì bạn đại bất hiếu.

Nếu muốn cha mẹ thoát khỏi sáu cõi luân hồi, phải làm thế nào? Trước tiên chính mình phải thoát khỏi sáu cõi luân hồi, bạn mới có thể giúp đỡ cha mẹ, bạn mới có thể giúp đỡ thân bằng quyến thuộc của bạn. Còn như nếu bạn chính mình không thể thoát khỏi sáu cõi luân hồi, thì chữ hiếu nói trong nhà Phật bạn còn kém quá xa. Chỗ này chính là nói đến phải “dưỡng” cái chí của cha mẹ. Cái ý nghĩa trong đây rất sâu, rất rộng, làm con cái nếu có thể làm Bồ Tát, có thể làm Phật, việc hiếu đối với cha mẹ mới xem là làm đến được viên mãn. Tuy nhiên, Bồ Tát Đẳng giác, vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, hiếu đạo còn kém khuyết một phần, chưa làm đến được viên mãn. Nếu lấy tiêu chuẩn của nhà Phật mà nói, nhất định phải chứng được quả Phật viên mãn, thì chữ hiếu này mới làm đến được viên mãn. Làm con đối với song thân như thế, mới gọi là chân thật báo đáp thâm ân”...(trích: *Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ - Trang nghiêm – Thanh Tịnh – Bình Đẳng – Giác - Kinh – Chủ giảng Pháp sư Tịnh Không – Lần thứ 10, tại đạo tràng cư sĩ Lâm, Singapore – VCD 23*)

Trong cuốn sách nhỏ này giới thiệu với các bạn những tấm gương về hiếu dưỡng phụ mẫu, nhìn từ thấp là loài súc sanh, đến người (phàm phu) như người dân thường, Quốc vương, rồi đến cao là các vị A La hán, Bồ tát và tột đỉnh là

Phật. Mở đầu là câu chuyện nói về loài vật báo hiếu cha mẹ (Lòng hiếu của chim oanh vũ); Tiếp đến là phàm phu (người phàm) đối với cha mẹ qua câu chuyện «Nước mắt mẹ hiền», các vị quân vương cách báo hiếu của họ ra sao? Có thể cứu giúp cha mẹ hay không? (Câu chuyện «Máu Sanh Linh Không Rửa Sạch Tội Lỗi Của Người»)? Báo hiếu các vị A La hán (Tôn giả Xá lợi Phất, Tôn giả mục Kiên Liên); Báo hiếu của các vị Bồ tát («Lời thề nguyện – Hay Địa Tạng Vương Bồ Tát cứu mẹ»); Và cuối cùng là Đức Phật báo hiếu cha mẹ (Ngày gặp phụ vương; Tịnh Phạn Vương Niết Bàn).

Qua những câu chuyện trên, chúng ta cần rút ra được bài học xem làm thế nào mới báo hiếu được cha mẹ viên mãn? Đúng là chỉ có quả vị Phật mới báo hiếu cha mẹ được viên mãn.

Vậy cho nên câu chuyện cuối cùng là «Vì sao phải niệm Phật» là dạy cho bạn muốn cứu cha mẹ viên mãn thì phải thành Phật, «Niệm Phật là nhân, Thành Phật là quả». Ngoài ra bạn muốn giàu có, muốn khỏe mạnh, muốn thông minh, giỏi giang thành đạt trong cuộc đời thì phải niệm Phật. Lý này rất sâu, đạo rất mầu, không thể một lúc nói ra được vì sao thế. Trước mắt chỉ cần bạn tin vào Phật là niệm Phật ắt có thành tựu.

Ban biên tập Đạo tràng 1108

PHẦN THỨ NHẤT

LƯỢC SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

BÀI 1

I. Định Nghĩa Hai Chữ Giáng Sanh

Thường trong danh từ nhà Phật, khi nói đến sự hiện diện của đức Phật Thích Ca trong cõi đời này, người ta thường dùng chữ đản sanh (nghĩa là một sự ra đời vui vẻ, làm hân hoan, xán lạn cho cõi đời); hay thị hiện (nghĩa là hiện ra bằng xương bằng thịt, cho con mắt trần của chúng ta thấy được); hay giáng sanh (nghĩa là từ một chỗ cao mà xuống một chỗ thấp để sanh ra).

Ba chữ ấy đều có 3 ý nghĩa khác nhau: Chữ đản sanh dùng để ca tụng một bậc tôn quý ra đời; chữ thị hiện hàm cái ý Phật bao giờ cũng có cả, nhưng vì mắt người không thấy được, phải hiện rõ ràng ra mới thấy; chữ giáng sanh hàm cái ý đức Phật ở một cảnh giới cao hơn, tốt đẹp hơn mà hạ xuống cảnh giới phàm trần này. Ba chữ ấy mặc dù khác nhau, nhưng đều có thể dùng để chỉ sự ra đời của đức Phật. Trái lại, khi một người phàm ra đời thì gọi là "đầu thai". Đầu thai có nghĩa là bị nghiệp báo hoặc thiện hay ác bắt buộc phải luân hồi để chịu quả báo lành hay dữ. Còn giáng sinh hay thị hiện thì không hàm cái nghĩa bị nghiệp nhân câu thúc, mà do nơi lòng từ bi, muốn lợi ích cho chúng sanh, nên tự nguyện ứng thân xuất hiện ra đời trong một thời gian để cứu độ chúng sanh; xong xuôi thì thân thể tịch diệt, tự tại vô ngại ra ngoài sống chết.

II. Hoàn Cảnh Và Dòng Dõi Của Đức Thích Ca

Đức Phật giáng sinh ở xứ trung Ấn Độ, bây giờ là nước Népal, một nước ở ven sườn dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, là một dãy núi cao nhất thế giới. Phong cảnh ở đây rất đẹp; đến mùa xuân cả nước đơm bông nảy lá như một vườn hoa vĩ đại. Dân cư ở xứ ấy rất là thuần lương. Vị vua trị vì là Tịnh Phạn, một vị vua thuộc dòng Thích Ca, là một dòng họ lớn đã mấy mươi đời nổi nghiệp trị vì đất nước này. Bà Hoàng Hậu Ma Da, cũng là một người thuộc dòng vua chúa đã lâu đời. Cả hai ông bà vua Tịnh Phạn đều là người đã nhiều kiếp tu hành, có đức hạnh lớn, xứng đáng làm cha mẹ muôn dân.

Một hôm, trong thành Ca Tỳ La Vệ, là kinh đô của vua Tịnh Phạn, có 1 vía tinh tú, vua tôi cùng nhau mở hội ăn chơi. Hoàng Hậu Ma Da, sau khi dâng hương hoa cúng kiến trong cung điện rồi, ra ngọ môn bố thí thức ăn, đồ mặc cho dân bản cùng. Khi trở về cung an giấc, Bà nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà từ trên hư không xuống, lấy ngà khai hông bên hữu của Bà mà chun vào. Bà đem điềm chiêm bao ấy thuật lại cho vua Tịnh Phạn nghe. Vua ra lệnh mời các thầy đoán mộng. Các nhà tiên tri đoán rằng: "Hoàng hậu sẽ sanh một quý tử tài đức song toàn". Vua Tịnh Phạn rất mừng rỡ, vì ngôi báu từ đây sẽ có người truyền nối.

Đến sáng ngày mồng tám tháng tư âm lịch (trước Tây lịch 624 năm), tại vườn Lâm Tỳ Ni, cách thành Ca Tỳ La Vệ 15 cây số, Hoàng hậu Ma Da đang ngoạn cảnh, trông thấy cành hoa Vô Ưu mới nở, thơm ngát, bà đưa tay phải với hái, thì Thái Tử cũng vừa xuất hiện ngay đấy.

Ngày đản sanh Thái Tử, trong thành Ca Tỳ La Vệ, cảnh vật đều vui vẻ lạ thường, khí hậu mát mẻ, cây cỏ đều đơm hoa trổ trái; sông, ngòi, ruộng, giếng nước đều trong đầy;

trên hư không chim chóc và hào quang chiếu sáng cả mười phương.

Vua Tịnh Phạn vui mừng khôn xiết mời các vị tiên tri đến xem tướng Thái Tử. Trong số ấy, có đạo sĩ tên A Tu Đà tu ở núi Hy Mã Lạp, tiên đoán rằng: Thái Tử vì có 32 tướng tốt xuất hiện, nên sẽ trở thành một vị Thánh. Nhưng vua Tịnh Phạn lại chỉ muốn con mình làm một vị vua để nối dõi tông đường mà thôi. Vì thế, Tịnh Phạn Vương muốn đổi số mệnh con mình, nên đặt tên cho Thái Tử là Tất Đạt Đa *(Siddhartha) theo tiếng Phạn, nghĩa là: "Kẻ sẽ giữ chức vị mà mình phải giữ". Chức vị mà Tịnh Phạn Vương muốn ám chỉ đây tức là ngôi Vua. Ngài không ngờ rằng chính thật chức vị của Ngài là chức vị Phật.

Hoàng hậu Ma Da sau khi sanh Thái Tử được bảy ngày, vui thú quá vì thấy mình đã làm tròn nhiệm vụ cao quý, và đã rửa sạch nghiệp báo nên Bà trút được xác phàm và sanh về cõi trời Đao Lợi. Vua Tịnh Phạn giao Thái Tử cho em gái Hoàng hậu là Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi dưỡng.

III. Tài Năng Và Đức Hạnh Của Thái Tử

Thái Tử mỗi năm mỗi lớn, thì diện mạo càng thêm khôi ngô, tài năng càng phát lộ gấp bội. Ngài có một sức khỏe hơn người, một trí thông minh xuất chúng. Từ nghề văn cho đến nghiệp võ, Thái Tử học với ông nào thì trong ít hôm sau, vị giáo sư ấy phải xin cáo thôi, vì không còn đủ sức để dạy nữa. Cho đến ông thầy danh tiếng đệ nhất thời bấy giờ là Sằn Đề Đề Bà cũng chịu khuất phục Ngài luôn.

Nhưng, mặc dù tài sức hơn người, thông minh xuất chúng lại ở trong địa vị cao sang quyền quý tột bậc, Thái Tử không bao giờ tỏ vẻ ngạo mạn, khinh người. Ngài có một thái độ rất hòa nhã ôn hòa, vô tư, bình đẳng. Lòng thương người,

thương vật của Ngài không ai sánh kịp, có dịp giúp đỡ, thì dù khó khăn bao nhiêu Ngài cũng không từ nan. Bởi thế, Ngài được trên Vua cha yêu quý, dưới thần dân kính trọng, nể vì.

IV. Những Ràng Buộc Của Tịnh Phạn Vương Để Ngăn Chí Xuất Gia Của Thái Tử

Càng thương yêu, quý trọng con Tịnh Phạn Vương lại càng lo sợ con mình sẽ không ở lại với mình, mà sẽ xuất gia tìm Đạo để thành một vị Thánh, như lời tiên đoán của đạo sĩ A Tư Đà. Nhất là khi nhận thấy càng lớn, Thái Tử lại càng có vẻ suy nghĩ xa xăm, và nét mặt Thái Tử lại không được vui tươi như thời thơ ấu, Vua Tịnh Phạn lại càng lo sợ rằng lời tiên tri xưa sẽ *thực hiện. Bởi thế, Vua cùng triều thần ngầm sắp đặt mọi kế hoạch để ràng buộc Thái Tử ở lại ngôi báu. Ngài truyền xây dựng ba tòa lầu đài nguy nga tráng lệ để Thái Tử thay đổi nơi ăn chốn ở cho hợp thời tiết quanh năm, và chọn từng trăm cung phi mỹ nữ có tài đàn ca hay, múa giỏi để giải khuây cho Thái Tử. Nhưng chừng ấy cũng chưa đủ, Ngài còn làm 1 thành hôn cho Thái Tử với một Công chúa con vua Thiện Giác là Da Du Đa La, một Công chúa tuyệt đẹp và đức hạnh vô cùng.

Thái Tử bị bắt buộc phải lập gia thất và có một con là La Hầu La.

Nhưng, mặc dù sống một cuộc đời quá đầy đủ: nào chức tước danh vọng, nào lầu đài cung điện, nào đàn ca múa hát, nào vợ đẹp con ngoan, Thái Tử vẫn thấy lòng mình nặng trĩu bao nỗi băn khoăn, thắc mắc. Ngài cho cảnh đời Ngài đang sống đây không phải là hạnh phúc chân thật, mà là giả dối, mê muội, chỉ làm cho kiếp sống thêm nặng nề đau khổ. Ngài thấy cần phải tìm một lối thoát, một cuộc sống chân thật, có ý nghĩa và cao đẹp hơn.

Nhận Ra Bốn Tượng Khổ Ở Đời, Một hôm, nhân ngày 1 hạ điền, Thái Tử theo vua cha ra đồng xem dân chúng cày cấy. Cảnh xuân, mới nhìn qua, thật là đẹp mắt, nào hoa lá tốt tươi, muôn chim đua hót; nào bầu trời quang đãng, gió xuân phoi phới. Cảnh tượng có vẻ thái bình, an lạc lắm. Nhưng tâm hồn Thái Tử không phải là một tâm hồn hời hợt, xét đoán một cách nông nổi. Trái lại, Ngài nhìn sâu vào trong cảnh vật và đau đớn nhận thấy rằng cõi đời không đẹp để an vui như khi mới nhìn qua. Ngài thấy người nông phu và trâu bò làm việc một cách cực nhọc dưới ánh nắng thiêu đốt, để đổi lấy bát cơm, nắm cỏ. Chim chóc tranh nhau ăn tươi nuốt sống côn trùng đang giãy giụa* trên những luống đất mới cày. Cũng trong lúc ấy, trong bụi rậm người thợ săn đang nhắm bắn những con chim kia, và trong khu rừng gần đấy, bọn hổ báo đang rình bắt người thợ săn. Thật là một cảnh tượng tàn tương sát, không phút giây nào ngừng! Chỉ vì miếng ăn để sống mà người và vật dùng đủ mọi phương kế để giết hại lẫn nhau không biết gớm. Ngài nhận thức rõ ràng sự sanh sống là khổ.

Một hôm khác, Ngài xin phép Vua cha đi dạo ngoài bốn cửa thành để được tiếp xúc với thần dân. Ra đến cửa Đông, Ngài gặp một ông già tóc bạc, răng rụng, mắt lờ, tai điếc, lưng còng, nường gậy lần từng bước ngập ngừng như sắp ngã.

Đến cửa Nam, Thái Tử thấy một người đau nằm trên cỏ, đang khóc than rên siết, đau đớn vô cùng.

Đến cửa Tây, Ngài trông thấy một cái thây chết nằm giữa đường, ruồi lằng bu bám, và sinh lên, trông rất ghê tởm.

Ba cảnh khổ già, đau, chết, cộng thêm vào cái ấn tượng tương tàn trong cuộc sống mà Thái Tử đã nhận thấy khi đi

xem 1 cây ruộng, làm cho Ngài đau buồn, thương xót chúng sanh vô cùng.

Một hôm khác nữa, Ngài ra cửa Bắc, gặp một vị tu sĩ tướng mạo nghiêm trang, điềm tĩnh thản nhiên như người vô sự đi ngang qua đường. Thái tử thấy trong lòng nảy sinh một cảm mến đối với vị tu sĩ. Ngài vội vã đến chào mừng và hỏi về ích lợi của sự tu hành. Vị Sa môn đáp rằng: "Tôi tu hành là quyết bỏ dứt mọi sự ràng buộc của cõi đời, *về cầu cho mình khỏi khổ và thành chánh giác để phổ độ chúng sanh đều được giải thoát như mình"

Lời giải đáp trúng với hoài bão mà Thái Tử đang ấp ủ bấy lâu, nên Ngài khôn siết vui mừng. Ngài liền trở về cung xin vua cha cho mình xuất gia. Vua Tịnh Phạn không nhận lời. Thái Tử yêu cầu vua cha 4 điều nếu vua giải quyết được thì Ngài hoãn việc đi tu, để trở lại lo chăn dân, trị nước. Bốn điều này là:

1. Làm sao cho con trẻ mãi không già
2. Làm sao cho con mạnh mãi không đau
3. Làm sao cho con sống hoài không chết
4. Làm sao cho mọi người hết khổ

Bốn điều này làm cho vua cha bối rối, không giải quyết được điều nào cả.

V. Sự Xuất Gia Tìm Đạo

Tịnh Phạn Vương, khi biết được ý định xuất gia của Thái Tử, lại càng lo sợ, lại tìm hết cách để ngăn cản, ràng buộc Ngài trong "cung vui". Nhưng một khi Thái Tử đã quyết thì không có sức mạnh gì ngăn trở được Ngài.

Một đêm khuya thừa dịp quân lính canh gác và cung phi mỹ nữ say ngủ sau một tiệc linh đình, Thái Tử lén trỗi dậy, *khi nhìn vợ con lần cuối, rồi đánh thức tên giữ ngựa Xa Nặc dậy, thẳng yên cương, rồi hai thầy trò trốn ra khỏi thành. Lúc bấy giờ nhằm đêm mồng tám tháng hai, và Ngài được 19 tuổi.

Sau khi vứt bỏ khỏi cuộc đời vương giả, Thái Tử đi vào vùng sâu *tìm Đạo.

Ban đầu Ngài đến ở tu với các vị tu khổ hạnh. Nhưng hạng người này sống một cách kham khổ, nhịn ăn nhịn uống, dãi nắng, dầm sương, hành thân hoại thể một cách ghê rợn. Thấy cách tu hành như thế không hiệu quả, Ngài khuyên các vị đó nên bỏ phương pháp tu hành ấy, nhưng họ không nghe. Ngài lấy làm thương họ, nên tìm đi nơi khác để tu hành. Ngài đi hết chỗ này đến chỗ khác, ở đâu nghe có một vị tu hành đắc đạo thì Ngài tìm đến học; nhưng đến đâu thì Ngài thấy đạo của họ vẫn còn hẹp hòi, thấp thỏi, không thể giải thoát cho con người hết được. Từ đấy Ngài * chôn tu tập một mình, đêm ngày nghiền ngẫm đến đạo giải thoát, quên ăn bỏ ngủ thân hình mỗi ngày mỗi tiêu tụy. Một hôm Ngài kiệt sức, nằm ngã liệt trên cỏ, và được một người chăn cỏ đến đổ sữa cho Ngài tỉnh lại. Từ đó Ngài nhận thấy nếu muốn có kết quả, cần phải bổ dưỡng thân thể cho được mạnh khỏe, chứ không bỏ quên nó đi được.

Khi thấy mình đủ sức khỏe để chiến đấu trong trận cuối cùng với bóng tối si mê và dục vọng, và đem lại ánh sáng giác ngộ, Ngài đến ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ Đề và thề rằng: "Nếu ta không thành đạo thì thịt nát sương tan, ta cũng quyết không rời chỗ này."

VI. Thành Đạo

Đức Thích Ca đã ngồi nhập định 49 ngày đêm dưới gốc Bồ Đề. Trong 49 ngày ấy Ngài đã chiến đấu với bốn giặc phiền não ở nội tâm như tham, sân, si, nghi, mạn...và chiến đấu với giặc Thiên Ma do Ma Vương Ba Tuần chỉ huy.

Sau khi thắng cả giặc ở nội tâm cả ngoại cảnh, tâm trí được khai thông, Ngài hốt nhiên đại ngộ.

Trong đêm thứ 49, vào canh hai, Ngài chứng được quả "Túc Mệnh Minh", thấy rõ được tất cả quá khứ của mình trong tam giới. Đến nửa đêm, Ngài chứng được quả "Thiên Nhân Minh", thấy được tất cả bản thể của vũ trụ và Ngài *nguyên nhân cấu tạo của nó. Đến canh tư, Ngài chứng được *quả của đau khổ và phương pháp dứt trừ đau khổ để được giải thoát khỏi tư *pháp luân hồi.

Từ ngày ấy, Ngài được Đạo vô thượng, thành bậc "Chánh Đẳng Chánh Giác", hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngày thành đạo của Ngài tính theo âm lịch là ngày mùng 8 tháng 12, vào lúc sao mai mọc. Lúc ấy Ngài được 30 tuổi.

VI. Ý Nghĩa Cao Cả Trong Sự Xuất Gia Tìm Đạo Của Đức Phật

Những chiến sĩ chiến thắng quân địch ở ngoài chiến trường, thường được ca tụng là anh hùng. Càng chiến thắng được nhiều quân địch càng được hoan hô là anh hùng cái thế. Nhưng những kẻ anh hùng cái thế ấy, như Nã Phá Luân, Thành Cát Tư Hãn, Xê Đa (*Céar), chính mình? cho nên thắng người đã khó mà thắng mình lại khó hơn. Đức Phật đã thắng cả ngoại cảnh lẫn nội tâm, đã thắng được giặc Ma Vương * Dục Vọng. Đức Phật thật xứng đáng với danh hiệu Đại Hùng Đại Lực.

Ngài không phải vì quyền lợi riêng mình mà chiến đấu. Ngài chiến đấu vì tình thương. Mà tình thương ở đây cũng không phải chỉ nhằm tình thương trong phạm vi hẹp hòi của gia đình: thương cha mẹ, vợ con, bạn bè. Tình thương ở đây là tình thương chúng sanh, tất cả cõi đời. Tình thương ấy nó rộng sâu như trời bể, thiết tha như tình mẹ thương con. Đức Phật thật xứng đáng với danh hiệu Đại Từ Đại Bi.

Lại tình thương ấy*, Ngài đã hoan hỷ lìa bỏ ngôi báu cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, đàn hay múa đẹp, mùi ngon vị lạ để sống một đời kham khổ, đạm bạc, thiếu thốn, giữa rừng thiêng nước độc. Một khi mà rời bỏ thứ mà người đời cho là quý báu nói trên, Ngài không một phút giây nào hối tiếc, muốn quay về để hưởng thụ lại. Bằng cớ là Ma Vương đã sai con gái mình giả làm nàng Gia Du đến kêu gọi van xin Ngài trở về cung, mà Ngài không một chút bận tâm thối chuyển. Ngài xứng đáng với danh hiệu là Đại Hỷ Đại Xả.

Cho nên ngày nay, mỗi khi xưng tán danh hiệu Ngài, chúng sanh không thể không suy gẫm cái ý nghĩa sâu sắc và đúng đắn mà người đời từ xưa đến nay đã tôn xưng Ngài là Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả.

BÀI 2

Trong bài trước chúng ta đã thấy Đức Phật Thích Ca vì một đại nguyện lớn lao, vì một lòng từ bi vô bờ bến mà xuất gia tìm Đạo. Đại nguyện và lòng từ bi lớn lao ấy là: "cầu thành Phật quả để trên đền đáp bốn ơn sâu, dưới cứu vớt ba đường khổ".

Cho nên sau khi giác ngộ, Ngài không vội nhập Niết bàn, mà nghĩ ngay đến sứ mạng của Ngài là: Thay thế chư

phật đời trước, tiếp tục chuyển mê khai ngộ cho tất cả mọi người.

Sứ mạng ấy Ngài biết trước không phải dễ dàng, vì cái Đạo của Ngài thì cao thâm huyền diệu, mà chúng sanh căn cơ lại không đều, và từ muôn kiếp đã lặn hụp trong si mê lầm lạc, khó có thể nhận hiểu được ngay ý nghĩa cao thâm của Giáo lý Ngài. Chúng sanh từ lâu đời lâu kiếp quen sống trong bóng tối của si mê, ngày nay chắc không khỏi choá mắt, hoảng sợ khi tiếp xúc với ánh sáng bùng chói của trí tuệ. Nhưng Ngài xét biết rằng mặc dù sống trong tăm tối, nhưng mỗi chúng sanh đều có mầm Phật tánh, như hoa sen, mặc dù sống trong bùn tanh hôi, nhưng vẫn tỏa nhụy vàng thơm ngát. Ngài cương-quyết thực-hiện sứ mạng của mình.

I. Sự Hóa Độ Rộng Lớn Và Cùng Khắp Của Đức Phật

Sứ mạng hóa độ của Đức Phật, như chúng ta đã biết, thật nặng nề và khó khăn. Nhưng nhờ trí tuệ sáng suốt, lòng từ bi rộng sâu, nhờ tinh thần bình đẳng triệt để và nhờ ý chí dũng mãnh không thoái chuyển, mà Đức Phật đã hoàn thành sứ mạng của mình một cách viên mãn. Trong khi hóa độ, Ngài đã dựa theo ba nguyên tắc sau đây:

1. Hòa độ theo thứ lớp căn cơ.

Khi bắt đầu đi truyền Đạo, ý nghĩ trước tiên của Ngài là đến vườn Lộc Uyển tìm mấy người bạn đồng tu với Ngài trước kia để thuyết pháp. Mấy người bạn ấy là các ông: Kiều Trần Như, A Súc Bệ, Thập Lực, Ma Ha Nam và Bạc Đề. Bài thuyết pháp đầu tiên ấy là Tứ-diệu-đế. Năm vị này đều được khai ngộ, và trở thành 5 đệ tử đầu tiên của Phật. Kế đó Phật thuyết luôn ba tháng cho 55 người Bà-la-môn, mà người đứng đầu là ông Da-Xá, 55 người này đều xin qui y theo Phật, và hợp với 5 người trong nhóm ông Kiều Trần Như

thành 60 đệ tử, 60 đệ tử này sau khi giữ đúng giới luật, được Phật thọ-ký cho đi truyền Đạo khắp nơi.

Đức Phật rời vườn Lộc-uyên đi về phía Nam đến xứ Ưu Lâu Tần Loa và hàng phục một vị tổ sư rất có uy tín của Đạo Thờ Lửa là ông Ma-ha Ca-Diếp và hai người em của Ông. Ông Ca-Diếp mang tất cả đồ đệ của mình là 1,250 vị, xin qui-y theo Phật.

Nhớ lại lời hẹn xưa với vua Tần-bà-xa-la, Ngài đến xứ Ma kiệt đà vào thành Vương xá để độ cho vua. Vua Tần-bà-xa-la gặp lại Ngài, vui mừng khôn xiết, truyền xây cất tịnh xá Trúc lâm, để thỉnh Phật và chư Tăng ở lại thuyết Pháp độ sanh.

Trong lúc Phật ở tịnh xá Trúc lâm, thì vua Tịnh-Phạn nghe tin Ngài đã thành Phật, truyền sứ-giả đi thỉnh Ngài về thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhưng 9 lần 9 sứ giả đi đều biệt tăm, không trở lại. Thì ra những người này khi đến Trúc lâm tịnh xá nghe Phật thuyết pháp, đã say mê quên sứ mạng của mình và xin thọ giới xuất gia. Lần thứ 10, Tịnh Phạn-vương sai một cận thần thân tín là Ưu-Đà-Di, mới thỉnh được Phật về. Trên đường từ thành Vương xá trở về Ca-tỳ-la-vệ, Đức Phật đã thuyết pháp độ cho không biết bao nhiêu người. Về thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài ở lại 7 ngày. Mặc dù chỉ trong thời gian ngắn ngủi ấy, Đức Phật đã cảm hóa tất cả dòng họ Thích và tất cả những người trong dòng họ này đều xin qui y và một số lớn xin xuất gia theo Phật, như các ông: Nan-Đà, A-Nan-Đà, A-Nậu-Lâu-Đà, La-Hầu-La...

Sau khi trở về thăm gia đình và quê hương, Đức Phật cùng các đệ tử lại tiếp tục đi truyền Đạo. Ngài đi đến thành Xá-Vệ là kinh đô nước Kiều-tát-la, thuộc quyền thống trị của vua Ba-tư-Nặc. Ở thành này có một vị đại thần tên là Tu-Đạt-

Đa, giàu lòng bố thí cho những kẻ bần cùng cô cút, nên được gọi danh hiệu là Trưởng giả cấp cô độc. Ông rất ngưỡng mộ Đức Phật nên đã trút hết tất cả tiền của vàng bạc trong kho ra mua khu vườn rộng lớn của Thái tử Kỳ Đà để làm tịnh xá cho Phật và đệ tử của Ngài ở, thuyết pháp độ sanh.

Được ít lâu nghe tin vua Tịnh-Phạn đau nặng, sắp băng hà, Đức Phật vội trở về thăm cha lần cuối cùng. Thấy phụ thân buồn rầu trên giường bệnh Phật thuyết về "Lẽ vô-thường, khổ, không, vô ngã" cho vua nghe. Nghe xong, vua liền dứt phiền não, gương mặt vui tươi, cất tiếng niệm Phật, rồi băng hà một cách êm ái.

Sau khi Tịnh-Phạn-Vương mất, bà mẹ nuôi của Phật là Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề và bà Da-Du-Đà-La cùng nhiều người bên nữ giới họ Thích xin được phép xuất gia. Từ đó trong Đạo Phật lần đầu tiên có hàng Tỳ KheoNi.

Đức Phật cùng các đệ tử lại tiếp tục đi truyền Đạo, đi đến đâu Ngài cũng được sùng mộ, tin theo và nhiều người noi theo gương của ông Cấp Cô Độc lập TịnhXa, cất giảng đường để Ngài thuyết pháp độ sanh.

Như thế chúng ta thấy Đức Phật đã tuần tự hóa độ và kết nạp đệ tử, từ những hạng người đủ căn trí để hiểu thấu giáo lý của Ngài rồi mới rộng ra những người khác; Lập Tỳ Kheo trước rồi Tỳ KheoNi sau.

2. Hóa độ tùy phương tiện.

Trong suốt thời gian đi thuyết pháp độ sanh, lắm khi Đức Phật cũng gặp nhiều cảnh gay go trái ngược do lòng đố kỵ của ngoại đạo, tà giáo, hay lòng ganh ghét của nội thân quyến thuộc gây ra. Nhưng lúc nào Ngài cũng tùy phương tiện để cảm hóa họ, và đưa họ về đường ngay lẽ phải. Chẳng

hạn, khi thì Ngài bị cô gái con ngoại đạo độn bụng giả có chữa đến giữa Đạo tràng để vu oan cho Ngài; khi thì Ngài bị anh chàng Vô não đuổi theo quyết giết Ngài để lấy ngón tay góp thêm cho đủ số một ngàn ngón mà nó đã giết người để lấy, vì theo thuyết tà đạo, nó tin rằng có làm được như thế mới chứng quả; khi thì Phật bị Đề Bà Đạt Đa, người em họ hung ác, âm mưu hãm hại Phật bằng cách thả voi say cho chạy đến chà đạp Phật, hay lăn đá to từ trên núi xuống đè Phật.

Nhưng tất cả những âm mưu ấy đều vô hiệu quả, vì oai đức uy danh và trí huệ của Phật bao bọc Phật, không một hành động xấu xa nào có thể thắng Phật được. Ngài có đủ phương tiện khôn ngoan khéo léo, xoay chiều đổi hương dễ dàng, hoán cải được tất cả nghịch cảnh trở thành thuận lợi. Và cuối cùng kẻ khinh ghét Ngài trở lại kính mến Ngài; người chống ngài trở lại phục Ngài; kẻ ngoại đạo trở thành phật tử. Bằng chứng là: Đề Bà Đạt Đa cũng được Phật thọ ký; anh chàng Vô Não cũng được qui y; bảy voi say cũng được sám hối; Vua A Xà Thế cũng hối cải và quay về đường ngay.

Nói tóm lại, Đức Phật có đủ muôn ngàn phương tiện thích ứng với mọi người, mọi vật, mọi hoàn cảnh để hóa độ tất cả những ai mà Ngài gặp trên đường truyền Đạo của Ngài. Không phải chỉ ở ngoài đời, mà trong Giáo hội của Ngài, Ngài cũng tùy theo căn cơ, tâm lý của mỗi đệ tử mà áp dụng phương pháp thích hợp. Chẳng hạn như đối với ông Nan Đà, mặc dù thân đã xuất gia, mà tâm vẫn muốn ngao du, luyện ái bạn bè, Ngài dùng thần thông để đưa ông lên cõi trời xem những cảnh sống tốt đẹp, vui thú khác thường, rồi đưa ông xuống địa ngục mục kích những hình phạt đau đớn, rùng rợn hãi hùng để ông so sánh hai cảnh đời trái ngược nhau mà tự chọn lấy một đường.

Còn đối với ông A-Nan, người học rộng nghe nhiều, nhưng vì nghiệp duyên còn nặng, nên mắc nạn "Ma Đăng Già", thì Phật lại đem giáo lý thâm sâu là Kinh Lăng-Nghiêm ra giảng dạy để cho ông A-Nan thấy rõ được cái quý giá của chân tâm mà lo tu luyện, chứ không giống ruồi theo giả cảnh nữa.

Xem như thế thì Đức Phật đã dùng phương tiện để tùy duyên hóa độ, như ông lương y giỏi tùy bệnh cho thuốc, chứ không nhất thiết phải theo một đường lối cố định nào cả. Đối với kẻ thân, người thù, đối với kẻ thông minh hay người ngu độn, đối với kẻ giàu, người nghèo, Ngài đều có đủ pháp môn cho họ khai ngộ và quy y theo Ngài.

3. Hóa độ theo tinh thần bình đẳng.

Tinh thần triệt để bình đẳng là một điểm son quý giá nhất trong giáo lý của Đức Phật, cũng như trong tâm hồn Ngài. Ngay từ khi còn ấu thơ, tinh thần ấy đã được bộc lộ trong những cử chỉ cứu giúp nhữ kẻ bần cùng, những con vật lâm nạn, như chúng ta đã thấy trong bài trước.

Khi thành Đạo, tinh thần bình đẳng ấy lại bộc lộ rõ ràng hơn nữa. Ngài đã có những câu nói bất hủ, khiến cho ngày nay, người ta vẫn đem ra làm khuôn vàng thước ngọc, như khi Ngài xin nước của một người thuộc giai cấp hạ tiện nhất Ấn-độ, người này sợ làm lây ô-uế cho Ngài, thì Ngài phán bảo: "không có giai cấp trong giọt máu cùng đỏ, trong nước mắt cùng mặn. Mỗi người sanh ra đều có Phật tánh và có thể thành Phật".

Trong Giáo hội của Ngài, Ngài nhận cả những người thuộc giai cấp hạ tiện. Như ông ƯuBaLy, một đệ tử của Ngài có tiếng tăm về giới luật, lại là một người thuộc giới hạ tiện Chiên Đà La, làm nghề gánh phân. Sự thâm nhập ấy đã làm

cho các vị vua chúa bất mãn. Chính vua Ba-Tư-Nặc đã bạch Phật: "Đấng Chí Tôn thân nhận kẻ hèn hạ vào hàng Tăng Đồ như vậy, không ngại rằng đá sỏi lẫn lộn với châu ngọc, làm mất giá trị của chúng Tăng sao?" Phật dạy rằng: "Người hèn hạ mà biết phát tâm Bồ Đề, xuất gia tu hành, chứng được quả Thánh, thì quý báu vô cùng, chẳng khác gì hoa sen mọc ở bùn lầy nhơ bẩn mà vẫn tinh khiết thơm tho". "Một người sanh ra không phải liền thành Bà-la-môn (giai cấp trên hết) hay Chiên Đà-La (giai cấp thấp nhất) mà chính vì sở hành của người ấy, tạo thành Chiên-đà-la hay Bà-la-môn".

Ngài xâu giùm kim cho người mù, hoan hỷ nhận hòn đất sét mà đứa bé đã nắn để dâng Ngài, thọ lãnh bữa cơm cuối cùng do người thợ đốt than nghèo nàn dâng cúng. Chính vì sự hóa độ bình đẳng như thế, mà kinh Đại Niết-Bàn đã tán thán:

- Đức Như Lai không chỉ thuyết pháp cho hạng người quyền quý như vua Bạc Đề Ca, mà cũng thuyết pháp cho hạng người bần cùng như ông ƯuBaLy; không riêng thọ lãnh sự cúng dường của những người giàu có như ông Tu Đạt Đa, mà cũng thọ lãnh sự cúng dường của các hạng nghèo khổ như ông Thuần Đà; không riêng cho phép xuất gia các hạng không có tánh tham như Ngài Ca Diếp, mà cũng cho phép xuất gia những người có nhiều tánh tham như ông Nan Đà; không những thuyết pháp cho hạng người an tịnh không dự việc đời, mà cũng thuyết pháp cho vua Tần Bà Sa La trong lúc đang bận rộn việc nước; không những thuyết pháp cho hạng thanh niên trẻ tuổi, mà cũng thuyết pháp cho ông già 80 tuổi; không những thuyết pháp cho bà hoàng hậu Mạt Lĩ, mà cũng thuyết pháp cho dân nữ Liên Hoa".

II. Năm Thời Kỳ Nói Kinh

Tóm lại, trong một đời của Đức Phật, tùy theo trình độ của mọi người mà thuyết pháp giáo hóa, mãi đến khi Ngài nhập diệt, cộng là 49 năm. Những Kinh Pháp của Ngài nói ra, về sau các đệ tử kết tập chia ra làm năm thời:

1. Thời thứ nhất nói Kinh Hoa-Nghiêm

Khi Phật mới thành Đạo, ở tại cội Bồ Đề, nói KINH HOA NGHIÊM 21 ngày. Vạch rõ chân tánh, chỉ bày chỗ cao sâu mầu nhiệm của Đạo Phật, chủ đích có hai điều:

a) Dẫn dắt các bậc Bồ tát lên địa vị Đẳng giác và Diệu giác.

b) Nêu bày giáo pháp rốt ráo của Như Lai, chỉ có Phật với Phật mới hiểu rõ mà thôi; Ngoài ra hàng nhị thừa ngồi nghe như đui, như điếc, hướng chỉ ngoại đạo, tà giáo làm sao hiểu nổi! Đức Phật trình bày giáo pháp siêu việt tuyệt vời ấy, là muốn cho đại chúng phải tu theo Đại thừa Phật giáo mới được hoàn toàn rốt ráo.

2. Thời thứ hai Phật nói Kinh A-Hàm

Biết rằng: "Muốn đi xa phải do nơi gần, muốn lên cao phải từ nơi thấp", Đức Thích Ca y theo chư Phật mà nói pháp Tam thừa. Vì vậy thời thứ hai, Ngài nói Kinh A Hàm trọn 12 năm, dùng thí dụ thực tế, chỉ rõ chân lý cho hàng Tiểu thừa dễ nhận, mà lo bề tự tu và tự độ.

3. Thời thứ ba Phật nói Kinh Phương Đẳng.

Đạo Phật chẳng những dạy pháp giác ngộ phần mình mà Ngài còn chỉ bày phương pháp giác tha nữa, tức là khuyến khích từ cái giác ngộ tiêu cực nhỏ hẹp của Tiểu thừa (AlaHán), để tiến lên cái giác ngộ tích cực bao la của Đại

thừa Phật giáo. Ấy là thời nói Kinh phương Đẳng trọn 8 năm, dẫn dắt Tiểu thừa qua Đại thừa.

4. Thời thứ tư Phật nói Kinh Bát Nhã.

Đến khi Đức Phật xem căn cơ của chúng sanh có thể tiến lên một tầng cao nữa là hấp thụ được hoàn toàn giáo pháp Đại thừa, nên Ngài chỉ bày Đạo lý chân không của Vũ trụ, thuyết minh cái thật tướng, vô tướng của các pháp. Ấy là thời kỳ nói Kinh Bát Nhã trọn 22 năm.

5. Thời thứ năm Phật nói Kinh Pháp Hoa và Niết Bàn.

Sự hóa độ một đời của Đức Phật gần viên mãn, thêm thấy căn cơ của chúng sanh đã thuần thực, có thể gánh vác Đại thừa Chánh pháp của Như Lai, nên Ngài bèn nói rõ bản hoài của Ngài thị hiện ra đời là vì một nguyên nhân lớn: "Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến". Ngài phú chúc, thọ ký cho các hàng đệ tử, tương lai sẽ thành Phật. Ấy là thời nói Kinh Pháp Hoa và Kinh Niết Bàn trọn 8 năm. Đến đây nhiệm vụ thuyết pháp độ sanh của đời Ngài đã viên mãn.

Tóm lại 5 thời thuyết pháp Cổ nhơn có làm bài kệ như sau:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhựt
A-Hàm thập nhị Phương Đẳng bát
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm
Pháp Hoa Niết Bàn cộng bát niên.

DỊCH NGHĨA

Trước nói Hoa Nghiêm hăm một ngày
A-Hàm mười hai, Phương Đẳng tám
Hai mươi hai năm nói Bát Nhã
Pháp Hoa Niết Bàn cộng tám năm.

III. Sự Hóa Độ Viên Mãn

Từ khi thành Đạo dưới gốc cây Bồ Đề cho đến ngày nhập diệt, trải qua một thời gian 49 năm, Đức Phật đã đi khắp xứ Ấn độ rộng lớn bao la, hết nước này đến nước khác. Hễ chỗ nào có chân Ngài dẫm đến là Ánh Đạo Vàng bùng tỏa huy hoàng.

Mỗi ngày Ngài theo một thời dụng biểu, một chương trình nhất định, không bao giờ xao lãng, giải đãi, từ khi trẻ cho đến già, từ mùa mưa cho đến mùa nắng. Mỗi ngày khi trời chưa sáng, Ngài đã lìa khỏi giường đi tắm rửa, thay đổi y phục rồi vào phòng quán cư cho đến lúc mặt trời xuất hiện. Sau đó Ngài thuyết pháp cho chúng Tăng đến lúc trưa mới nghỉ để thụ trai. Buổi chiều, Ngài thuyết pháp cho Tín đồ các vùng lân cận đến nghe; rồi lại giảng giải những nghi vấn của các Tăng về những vấn đề mà Ngài đã thuyết pháp buổi sáng.

Mỗi năm, Ngài đi chu du để thuyết pháp độ sanh trong 9 tháng nắng ráo; còn ba tháng về mùa hạ có mưa lớn (theo thời tiết Ấn độ), thì Ngài lại ở luôn trong Tịnh xá để an cư kiết hạ.

Ròng rã trong 49 năm như thế, hạt giống Từ bi được Ngài tinh tấn gieo rắc khắp các xứ ở Ấn độ. Từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, từ rừng rú đến đồng bằng, không nơi nào là Ngài không đặt chân đến, hay truyền đệ tử đến thay Ngài để hóa độ chúng sanh. Và ở đâu Ngài và các đệ tử cũng được, nhân dân, từ vua đến dân, từ giàu đến nghèo, từ già đến trẻ, từ phái nam đến phái nữ, đổ xô ra đón tiếp Ngài, vui thú được tắm gội trong ánh nắng trí huệ và nước Từ bi do Ngài tưới xuống. Ở đâu có Ánh Đạo vàng đến, thì Tà giáo và ngoại giáo lui xa dần, tan biến như những làn mây, như

những bóng tối, tan biến trước ánh bình minh đang lên. Giọng thuyết pháp của Ngài có oai lực như tiếng sư tử rống, làm cho cầm thú phải khiếp phục, như tiếng Hải triều lên, lấn át tất cả bao nhiêu tiếng tí tê của côn trùng, chim chóc.

Đạo Bồ Đề từ đây đã ăn sâu gốc rễ trên bán đảo Ấn độ bao la, và trở thành tôn giáo chính của các nước lớn, nhỏ thời bấy giờ tại Ấn độ. Đức Phật sau khi đã tự giác, đã giác tha và đến đây giác hạnh của Ngài đã viên mãn.

IV. Trước Khi Nhập Niết bàn

1. Phật báo tin sắp lìa đời.

Khi giác hạnh đã viên mãn thì Phật đã 80 tuổi. Đến đây, sắc thân tứ đại của Ngài cũng theo luật vô thường mà biến đổi, yếu già. Năm ấy Ngài vào hạ ở rừng SaLa trong xứ Câu Ly, cách thành Balanại chừng 120 dặm. Một hôm Ngài gọi ông Anan, người đệ tử luôn luôn ở bên cạnh Ngài đến và phán bảo:

- A Nan! Đạo ta nay đã viên mãn. Như lời nguyện xưa, nay ta đã có đủ bốn hạng đệ tử: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Nhiều đệ tử có thể thay ta chuyển xe pháp, và Đạo ta cũng đã truyền bá khắp nơi. Bây giờ ta có thể rời các người mà ra đi. Thân hình ta, theo luật vô thường, bây giờ như một cỗ xe đã mòn rã. Ta đã mượn nó để chở pháp, nay xe đã vừa mòn mà pháp cũng đã lan khắp nơi, vậy ta còn mến tiếc làm gì cái thân tiều tụy này nữa? A-Nan! Trong ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết bàn.

Tin Đức Phật sắp vào Niết bàn, lan ra như một tiếng sét. Các đệ tử của Ngài đi truyền giáo ở các nơi xa, lục tục trở về để cùng đấng Giác Ngộ chia ly lần cuối.

Trong thời gian ba tháng cuối cùng của Ngài, Đức Phật vẫn không nghỉ ngơi, mà vẫn tiếp tục đi truyền Đạo. Một hôm Ngài đi thuyết pháp ngang qua một khu rừng, gặp một người làm nghề đốt than, ông Thuần Đà, thỉnh Ngài về nhà đệ thọ trai. Ngài im lặng nhận lời cùng các đệ tử theo ông về. Đến nhà ông Thuần Đà dọn ra cúng dường Ngài một bát cháo nấm Chiên đàn, thường gọi là nấm heo rừng, vì giống nấm này rất được giống heo rừng ưa thích.

Thụ trai xong, Phật cùng các đệ tử từ giã ông Thuần Đà ra đi. Được một quãng đường, Ngài giao bình bát cho ông A Nan và truyền treo võng lên, trong rừng cây Ta-la (Tàu dịch là cây song thọ, cây có hai nhánh lớn chia ra như hai cái nạn), để Ngài nằm nghỉ. Ngài nằm xuống võng đầu trở về hướng Bắc, mình nghiêng về phía tay phải, mặt xây về hướng mặt trời lặn, hai chân chéo vào nhau.

Nghe tin Ngài sắp nhập Niết bàn, dân chúng quanh vùng đến kính viếng rất đông, trong số ấy có một ông già ngoài 80 tuổi, tên Tu Bạc Đà La đến xin xuất gia thọ giới Sadi với Ngài, Ngài hoan hỷ nhận lời. Đó là người đệ tử chót trong đời Ngài.

2. Phật nói Kinh Di Giáo và những lời phú chúc

Lúc bấy giờ các đệ tử của Ngài đều có mặt đông đủ, chỉ trừ ông Ca-Diếp vì đi thuyết pháp xa, chưa về kịp. Ngài hội tập cả đệ tử và tín đồ đến quanh Ngài và dặn dò một lần cuối. Ngài phú chúc như sau:

- a) Y bát của Ngài sẽ truyền cho ông Ma-Ha Ca-Diếp.
- b) Các đệ tử phải lấy giới luật làm Thầy.
- c) Ở đầu các Kinh phải nên nêu 4 chữ: "Nur thị ngã văn".

d) Xá lợi của Ngài sẽ chia làm ba phần:

- Một phần cho Thiên cung,
- Một phần cho Long cung,
- Một phần chia cho 8 vị Quốc vương ở Ấn Độ

Sau đây là lời vàng ngọc mà Ngài đã để lại trong giờ phút cuối cùng.

- Này! Các người phải tự mình thấp đuốc lên mà đi! Các người hãy lấy Pháp của ta làm đuốc! Hãy theo Pháp của ta mà tự giải thoát! Đừng tìm sự giải thoát ở một kẻ nào khác, đừng tìm sự giải thoát ở một nơi nào khác, ngoài các người!...

- Này! Các người đừng vì dục vọng mà quên lời ta dặn. Mọi vật ở đời không có gì quý giá. Chỉ có chân lý của Đạo ta là bất di, bất dịch. Hãy tinh tiến lên để giải thoát, hỡi các người rất thân yêu của ta!

Sau khi đã dặn dò căn kẽ xong, Ngài nhập định rồi vào Niết bàn. Lúc bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai ÂL (theo giáo sử Trung hoa).

Rừng cây Ta-la tuôn hoa xuống phủ lên thân Ngài, trời đất u ám, cây cỏ héo úa, chim chóc im bất tiếng hót. Vạn vật như chìm lặng trong giây phút nặng nề của sự chia ly.

Các đệ tử tần liệm xác Ngài vào trong kim quan và 7 ngày sau, đưa kim quan Ngài vào thành Câu thi để tại chùa Thiện Quang và làm lễ trà tỳ (lễ hỏa thiêu).

Tám vị Quốc vương lớn ở Ấn độ kéo binh hùng tương dũng đến toan tranh dành Xá Lợi. Nhưng ông Hương-Tích y

theo di chúc của Phật, đứng ra điều đình, và nhờ thế việc phân chia Xá Lợi đều được ổn thỏa.

C. Kết Luận

Đức Phật đã nhập Niết Bàn, nhưng gương sáng của đời Ngài vẫn còn chiếu sáng rực rỡ trước mắt chúng ta. Suốt một đời, trong 80 năm trời, không một lúc nào Ngài xao lãng mục đích tối thượng là hóa độ chúng sanh đang trầm luân trong bể khổ. Khi còn tại gia, Ngài là người ở trong một địa vị có diễm phúc nhất, cao nhất của người đời.

Thế mà Ngài vẫn không màng tưởng đến; khi vào trong Đạo, Ngài là người ở trong địa vị cao chót vót của Đạo, thế mà Ngài vẫn không chịu ở yên trong địa vị ấy, lại vất vả dãi rong trên mọi nẻo đường bụi bặm, gai góc để đưa chúng sanh lên con đường hạnh phúc an vui và giải thoát hoàn toàn. Lòng thương của Đức Phật thật vô biên.

1. Người đời nên noi gương sáng của Phật.

Sự hy sinh cao cả, lòng từ bi rộng lớn, trí tuệ sáng suốt, ý chí dũng mãnh của Ngài không những là bao nhiêu gương sáng cho riêng hàng Phật tử, mà còn cho tất cả mọi người. Nếu chúng ta quan niệm Ngài là một vĩ nhân của nhân loại từ xưa đến nay. Nếu chúng ta quan niệm Ngài là một bậc siêu nhân, thì đó là một bậc siêu nhân cao hơn những bậc siêu nhân khác. Nếu ta quan niệm đời Ngài là một sự thị hiện của Phật, thì đó là sự thị hiện đẹp đẽ nhất và đầy đủ ý nghĩa hơn hết trong các sự thị hiện. Cho nên không những đối với Tín đồ Phật giáo, mà đối với toàn thể nhân loại, Đức Phật đáng được tôn sùng và chiêm ngưỡng.

2. Tín đồ nên ghi nhớ những lời di chúc của Phật:

Chúng ta, những Phật tử, ai cũng biết đời Đức Phật là đẹp đẽ, cao cả; bài học của đời Ngài là quý báu, sâu xa. Nhưng nếu chúng ta không cố gắng học tập, thì bài học dù hay ho quý báu bao nhiêu cũng vô ích. Đức Phật trước khi nhập diệt, đã dạy chúng ta một câu cuối cùng:

- Mọi vật ở đời không có gì quý giá. Thân thể rồi sẽ tan rã. Chỉ có Đạo ta là quý báu. Chỉ có chân lý của Đạo ta là bất di bất dịch. **HÃY TINH TẤN LÊN ĐỂ GIẢI THOÁT!**

Vậy thì điều kiện trọng yếu nhất để giải thoát là sự tinh tấn. Chúng ta đừng bao giờ quên điều kiện ấy trong khi tu hành.

(HT. Thích Thiện Hoa)

NIÊN LỊCH

CỦA BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

- ***Ngày 15 tháng 4 Phật giáng sanh (trước ngày Chúa Giáng sinh 624 năm, nếu tính năm Phật Nhập Diệt thì trước chúa giáng sanh 544 năm);***
- ***Ngày 8 tháng 2 Phật xuất gia năm 19 tuổi;***
- ***5 năm tầm học các đạo;***
- ***6 năm tu khổ hạnh;***
- ***49 ngày nhập định;***
- ***Ngày 8 tháng 12 Phật thành đạo năm 30 tuổi;***
- ***49 năm thuyết pháp độ đời;***
- ***Ngày 15 tháng 2 nhập Niết Bàn năm 80 tuổi***

PHẦN 2

CÁC CÂU TRUYỆN VỀ HIẾU DƯỠNG PHỤ MẪU

(Trích truyện cổ Phật giáo)

1. Lòng Hiếu của con chim Oanh Vũ (Loài vật báo hiếu cha mẹ)

Thuở xưa, ở núi Tuyết Sơn có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín, dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ, có vị điền chủ mới cấy lúa bèn phát nguyện rằng: “Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng”. Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ. Người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài sùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ. Chim Oanh Vũ thưa vị điền chủ rằng: “Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy của ông, sao lại đặt lưới bắt tôi?”. Người điền chủ hỏi: “Người lấy lúa làm gì?”. Chim Oanh Vũ đáp: “Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường”. Vị điền chủ nói rằng: “Từ nay về sau, ngươi cứ lấy lúa mà dùng, đừng e ngại gì cả”. Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là người.

Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Người điền chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phất.

2. Nước mắt mẹ hiền (Phàm phu bắt hiếu với cha mẹ)

Nắng chiều ản vàng những căn nhà mới dựng trên bãi

biển của thành Ba La Nại. Đó là nhà của một người lái buôn giàu có. Hơn mười năm nay, anh ta đã bao lần lên đênh trên biển cả, tìm đến những bến bờ xa lạ của các nước Ả Rập, tiếp xúc với những dân tộc hiền lành cũng như hung dữ. Sau mỗi chuyến đi anh ta lời rất lớn. Rồi anh trở thành một trong những người nhiều của cải nhất.

Vợ anh là một người đảm đang. Mắt nàng luôn ảm về lo buồn. Và ngày về của chồng với bao đồ quý giá vẫn không làm cho nàng vui, vì cái viễn ảnh của ngày ra đi, của cuộc chia ly sắp đến.

Hai vợ chồng sanh được một đứa con trai. Nàng đặt cho nó cái tên thật dài Métracanyaca. Đứa bé đem lại cho nàng những nỗi khuây khỏa trong lúc xa chồng.

Métracanyaca đã lên sáu. Một đêm về mùa đông nàng thao thức không ngủ được vì sắp đến ngày cha Métra về. Đến gần sáng, trời bỗng trở gió, gió càng lúc càng mạnh. Tiếng gió bẽ ảm ảm. Những nỗi lo ngại như nhiều lần trước trỗi dậy. Mãi đến chiều đoàn thuyền vẫn chưa thấy về. Người ta ra bãi ngóng trông.

Đến gần tối, một chiếc thuyền buồm xuất hiện. Trong số hàng chục chiếc ra đi chỉ có một chiếc trở về, và chiếc đó không phải là thuyền của chồng nàng. Người ta báo cho nàng cái tin hung dữ. Thuyền của chồng nàng bị đánh đắm. Nàng ngất đi, sự đau đớn lớn lao nhất của đời nàng ghi mãi nét buồn trên gương mặt nàng. Và tất cả hi vọng của mình còn lại, nàng đã trút vào cuộc đời của Métra.

Métra lớn lên khỏe mạnh hơn người. Mắt hắn long lanh đen nháy, luôn luôn nhìn thẳng ra xa mơ ước một cuộc đời phiêu bạt. Nàng đã đoán trước được điều ấy nên tìm hết cách khuyên bảo con. Đôi lúc hắn hỏi mẹ: “Mẹ ơi! Cha con

thuở trước làm nghề gì?”. Câu hỏi đó đã làm nàng nhiều đêm không ngủ yên. Nàng thấy lại nỗi đau xót của mình trong buổi chiều đông năm xưa. Nàng nói dối hấn: “Cha con hồi trước làm nghề đi buôn trong nước”. Hấn liền nuôi mộng đi buôn trong nước.

Năm năm sau, Métra trở thành một thanh niên cứng cỏi, và hấn đi buôn trong nước. Trong chuyến đi buôn đầu, hấn lời được bốn đồng. Đó là một thành công lớn đối với kẻ còn thiếu kinh nghiệm như hấn. Hấn đem cả bốn đồng về giao cho mẹ hấn và yêu cầu mẹ cúng dường giúp đỡ các vị Sa môn, Ba La môn, các người nghèo khổ và ăn xin. Mẹ hấn tưởng hấn an phận thích nghề ấy rồi.

Nhưng một hôm hấn trở về buồn rười rượi. Hấn muốn đổi nghề vì nghe người ta nói cha hấn làm nghề bán dầu thơm. Mẹ hấn đành chiều hấn. Ngày hôm sau hấn lập quán trong thành phố. Lần này hấn lời được tám đồng khá hơn lần trước. Nhưng cái nghề bán dầu thơm tầm thường nọ không làm hấn hứng thú chút nào. Lại thêm có người bảo cha hấn trước kia làm nghề bán nữ trang. Thế là lần sao, hấn đem tám đồng về cho mẹ nó với cả ý định bỏ nghề bán dầu thơm.

Nó chuyển sang nghề bán nữ trang. Nó bán chạy và cạnh tranh với những tiệm vàng lớn trong thành phố. Nó lời tháng đầu mười sáu đồng. Tháng sau ba mươi hai đồng. Thật là những món tiền to lớn. Hấn đem về cho mẹ và cũng yêu cầu mẹ làm các việc công đức như những lần trước. Nhưng cái nghề này giữ chân hấn một chỗ và hấn thấy bức bối. Sự hoạt động của hấn bị bó hẹp, tầm mắt hấn bị chặn lại. Rồi có một chủ tiệm vàng đến nói với hấn: “Sau chàng không làm nghề hàng hải như ông thân chàng mà lại đi làm nghề bán nữ trang hèn mọn tù túng này”. Hấn bị kích thích đúng chỗ... Vậy là hôm sau, Métra bán tất cả số vàng còn lại dồn được một số

vốn lớn. Bể khơi với sóng gió ngàn trùng, với các bến bờ xa lạ kêu gọi hấn. Hấn nhất quyết rồi, hấn về nói với mẹ: “Thưa mẹ có phải cha con trước kia làm nghề hàng hải không? Mẹ cho con theo nghiệp cha con đi buôn ngoài bể cả”.

Mẹ hấn sững sốt. Bà đã cảm thấy trước điều mong muốn của con. Bà đã để ý đến cái nhìn đắm đắm của hấn ra tận bể khơi như cố tìm đến bên kia bờ đại dương. Bà đã để ý con say sưa thềm thường cuộc đời của những thủy thủ trên các thuyền buồm từ xa đến. Bà cũng muốn cho con thỏa nguyện, nhưng hình ảnh của cuộc ra đi không ngày về của cha Métra đã làm cho nàng tìm hết cách ngăn con: “Phải, Métra ạ! Cha con trước đây làm nghề hàng hải nhưng bị nạn chết đánh từ ngoài bể khơi. Mẹ đã đau khổ lắm rồi. Nay mẹ chỉ có mình con, con nỡ nào bỏ mẹ đi ra góc bể chân trời, mẹ sẽ khô héo mà chết”.

Métra tuy cảm động nhưng hấn đã quyết. Chiều hôm ấy hấn cho người đánh chuông rao khắp kinh thành Ba La Nại: “Hỡi các thương gia đáng tôn kính! Métra sắp đi buôn xa, vậy ai muốn đem hàng ra hải ngoại thì cứ đi chung với người”.

Mẹ Métra khuyên răn hấn rất nhiều. Hấn vẫn không đổi ý định. Đến ngày ra đi, năm trăm lái buôn cùng đi chuyến này với hấn, bà mẹ quá thương con. Cái cảnh ra đi giống hệt như cảnh ra đi của cha con ngày trước, làm bà quá đau xót. Bà ngã xuống ôm lấy chân con mà khóc. Mọi người đều cảm động, Métra ngồi xuống một lát, nhưng hấn bỗng đứng dậy, rút mặt chân ra, bước qua đầu mẹ hấn. Hấn đi thẳng xuống thuyền không ngoái nhìn lại. Bà mẹ chậm chạp ngồi dậy và trong nước mắt mà niệm nhỏ nhỏ: “Con ơi! Mẹ cầu cho con tai qua nạn khỏi. Mẹ cầu cho con khỏi bị quả báo đã bước ngang đầu mẹ con ơi”.

Đoàn thuyền vượt sóng đã ba ngày trường, đến ngày thứ tư trời bỗng đổi biến đột ngột rồi có gió mạnh. Gió cuốn từng hồi báo trước một cơn bão lớn. Mọi người lo ngại và cố sức chống chọi. Nhưng chuyện phải đến đã đến. Bão to đã đánh tan cả đoàn thuyền.

Métra đeo trên một tấm ván và may mắn trôi dạt vào bờ xa lạ. Hắn lần lần hỏi tường lại và đi đến một thành phố. Đây là thành Ramana. Anh chàng thanh niên của kinh thành Ba La Nại được người ta niềm nở tiếp đón. Có bốn nàng tiên đẹp đến chào hắn, trước ngực mỗi nàng đều lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng vàng hắn đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên nói với hắn: “Chào chàng Métra, đây là đền đài của các em. Đây là tất cả sự khoái lạc ở đời. Chàng vào đây chung vui với chúng em”. Métra nhận lời. Hắn sống đầy đủ về vật chất hình như được hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước, nhưng hình như có một nguyên do vô hình thúc đẩy hắn: Hắn buồn ý và ra đi, xuống miền Nam. Hắn đến thành Sadamaham. Có tám nàng tiên trẻ đẹp đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng của hắn đã trao cho mẹ ngày trước đây. Các nàng tiên cũng nói với hắn những lời dịu dàng như những nàng trước. Hắn cũng nhận lời ở lại đây và hắn cũng đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Sau, buồn ý lại ra đi, xuống miền Nam.

Hắn đến thành Nandana. Mười sáu nàng tiên đẹp đến chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hắn đã trao cho mẹ hắn ngày trước. Các nàng dịu dàng mời hắn ở lại và chăm sóc như những nàng trước. Hắn đã sống đầy đủ về vật chất như được thừa hưởng những phước đức đã làm nên ngày trước. Nhưng rồi hắn cũng lại ra đi về phía Nam.

Hắn đến thành Brahmottora. Ba mươi hai nàng tiên đẹp đẽ chào hắn. Trước ngực mỗi nàng lấp lánh một đồng tiền vàng giống như đồng tiền vàng hắn đã trao cho mẹ hắn ngày trước. Hắn được mời ở lại hưởng khoái lạc trong thành. Đến đây nhiều điều đã làm cho hắn suy nghĩ: Tại sao hắn, một kẻ có tội với mẹ, hắn đã hưởng những sung sướng đã qua. Phải chăng đó là do ngày trước hắn đã trao những món tiền bốn đồng, tám đồng, mười sáu đồng, và ba mươi hai đồng cho mẹ hắn để làm việc thi ân. Nhưng sự sung sướng được hưởng đối với hắn quá nhiều rồi. Hắn không thể ở lại đây nữa. Hắn lại muốn ra đi xuống miền Nam, mặc dù các nàng tiên hết sức khuyên can.

Lần này hắn đi thật xa. Hắn đến một bức thành bằng sắt. Hắn đi vào thành thì cửa thành đóng lại. Hắn cứ đi nữa và không mấy chốc hắn gặp một người to lớn trên đầu đội một vành sắc cháy đỏ. Lửa phun rùng rục máu mủ trên đầu người ấy chảy tràn xuống miệng, người ấy liếm tất cả. Hắn đến gần và hỏi:

- Nhà ngươi là ai? Tại sao lại bị hình phạt đau đớn khổ sở như vậy?

Người ấy nén đau xót, ngẩn nhìn hắn một lát rồi trả lời:

- Tôi là người đã làm cho mẹ tôi đau khổ, nên tôi phải gánh lấy quả báo như thế này. Tôi sẽ chịu quả báo mãi cho đến khi một người khác đã tạo nghiệp ác làm mẹ đau khổ đi ngang qua đây sẽ thay thế cho tôi.

Cái quá khứ tội lỗi của Métra hiện lên rõ ràng trong tâm trí. Métra đã bước ngang đầu mẹ, đưa con bất hiếu đó đang đứng đây và đáng nhận những hình phạt nặng nề nhất. Métra vừa nghĩ như thế thì vành lửa nóng bay qua chụp lên đầu chàng. Métra nhìn người kia bây giờ đã khỏe mạnh, vết

thương trên đầu bấy giờ đã lành hẳn và hỏi:

- Tôi phải chịu vòng lửa này trong bao lâu?

Người kia đáp:

- Chàng phải chịu hình phạt này đời đời kiếp kiếp cho đến khi có người phạm tội đã làm mẹ đau khổ như chàng, đến thay thế cho chàng. Métra đau khổ vô cùng. Lửa cháy xèo từng mảnh thịt, mặt như bị cắt từng mảnh thịt, mặt như bị cắt đi từng đường gân máu và tê liệt từng chỗ. Tuy vậy Métra vẫn bằng lòng với hình phạt mình đã chịu. Chàng nghĩ rằng: “Lại sẽ có người phạm tội đối với mẹ để đến chịu thay ta? Không nên như thế! Chúng sanh ơi! Hãy đừng ai sanh tâm làm mẹ mình đau khổ. Hãy đừng ai làm cho nước mắt mẹ mình tuôn chảy vì mình”.

Rồi Métracanyana phát nguyện rằng: “Tôi xin nguyện đội vành này mãi mãi, xin thay chịu đau khổ cho tất cả chúng sanh”.

Lời phát nguyện của Métracanyaca thật là vô cùng chứa chan tình yêu thương rộng lớn. Lời phát nguyện chân thành ấy đã dải thoát Métra khỏi vòng tội lỗi và vòng lửa bỏng rồi khỏi đầu Métra bay lên hư không trả lại cho Métra đời sống an lành.

Quảng Huệ

*“Xin mẹ hiền nhận lay này con bất hiếu
Đã bao lần làm mẹ khổ ngày xưa
Đã bao lần làm mẹ khóc như mưa
Bao nhiêu lay cũng chẳng vừa ân mẹ.”*

3. Máu Sanh Linh Không Rửa Sạch Tội Lỗi Của Người (Quốc vương báo hiếu cha mẹ đã đúng chưa?)

Kinh thành Ba La Nại đang sống trong những ngày bối rối.

Khắp nơi, khắp nơi, những lễ đàn được dựng lên cao vợi. Tiếng nguyện cầu như muốn vượt mây từng trời. Nhưng thuốc thang cũng đã nhiều, cầu đảo cũng đã lắm mà có ăn thua gì đâu?

Hôm nay cũng như mọi hôm, hoàng cung vẫn rộn ràng lo lắng. Mạng sống của Hoàng thái hậu như treo đầu sợi tóc. Thần chết chắc đang cầm lưỡi hái đợi chờ đâu đây. Bọn cung nga thế nữ vẫn túc trực đó, vẻ mỗi một hiện rõ trên nét mặt. Không biết họ thức trọn mấy đêm rồi?

Quốc vương Hòa Mạc thì như trong giấc mộng. Cứ nhìn gương mặt mẹ mình ngày một teo gầy lại, nhà vua thấy lòng toi bời từng đoạn, cuộc sống không còn ý nghĩa gì nữa. Cung nga thế nữ mà làm chi? Lầu son gác tía mà làm chi? Nhà vua thấy có thể bỏ tất cả, hy sinh tất cả, miễn là mẹ mình được sống.

Tất cả những danh y trong nước đều đã được vời. Nhưng người nào cũng lắc đầu ái ngại. Vô kế khả thi. Hơi thở của mẫu hậu càng lúc càng khò khè, ngọt ngào. Ôi còn chi đau đớn hơn cảnh một người con hiếu đang thấy mẹ mình chết dần mà không làm sao cứu được!

Cuối cùng nhà vua cho triệu tất cả những vị Phạm Chí xa gần về để hỏi nguyên nhân và phương pháp chữa bệnh cho mẹ mình. Họ đã về đầy đủ rồi đó, nhưng nào ai có ý kiến gì đích xác đâu? Người thì bảo Thần sông, kẻ thì bảo Thần núi. Họ đổ lỗi cho trăng sao trời đất... Thế rồi, đến khi nhà vua

thiết tha xin phương pháp điều trị thì yên lặng. Im lặng nặng nề ngự trị... Ai đại gì mà bày tỏ cái bất lực của mình?

Bỗng một Phạm chí, có lẽ lớn tuổi nhất, đứng dậy nắm tay chiêm quẻ rồi trân trọng trả lời:

- Tâu đại vương, nguyên nhân bệnh trọng của Hoàng thái hậu cũng chẳng có gì khó hiểu. Âm dương không hòa hiệp, thiên địa quỷ thần trách móc, Hoàng thái hậu lại mất phải hung tinh, trách gì không yếu mệnh? Muốn khỏi, nhất định phải tìm đủ một trăm súc vật khác giống để tế đất trời. Đại vương và Hoàng thái hậu cũng phải đến tại lễ đàn cầu đảo thì mới mong bảo toàn mạng sống và được bình an.

Quốc vương như người sắp chết khát bỗng gặp nước lành. Tình thương mẹ cộng thêm lòng mê tín dị đoan khiến nhà vua không suy nghĩ gì thêm trước khi thi hành ý kiến của Phạm chí. Một trăm sinh mạng đã được đổi lấy một mạng trong hy vọng.

Bầy súc vật được xua ra lễ đàn một cách tàn nhẫn. Có ai nghe tiếng kêu than của những kẻ vô tội sắp phải bị hành hình? Có những con cừ non biết mình sắp chết, cố dừng lại không chịu bước. Có những con bò cứ ngoái đầu trở lại, nước mắt chảy ròng ròng. Những bọn lính thì có kể gì cả. Chúng lấy roi dài quất vùn vụt vào thân đàn thú, lấy đá ném vào những con nào đi chậm nhất. Đã có những vết máu hồng hoen trên đường cỏ.

Xa giá cũng theo sát bầy thú vật. Hoàng thái hậu thì mê man trong chiếc xe lắc lư trên đường đá sỏi. Quốc vương Hoà Mạc thì luôn luôn nhìn ra ngoài, xem thử đã đến lễ đàn chưa? Lúc xe vừa ra khỏi cửa thành thì bỗng nhà vua giật mình nhóm dậy. Có cái gì uy nghiêm trên nét mặt của đại sĩ đang đứng chặn giữa đường. Đôi mắt sáng ngời làm cho ta

mền phục, y vàng giản dị nhưng lại có tính cách siêu phàm.

Quốc vương bước xuống xe. Ngài ngạc nhiên thấy đoàn hầu cận của mình không biết đã quỳ rạp xuống từ lúc nào. Có những lời chúc tụng vang vang, không phải cho một vị quốc vương, nhưng mà cho một đấng vô cùng cao trọng. Ngài bỗng thấy sợ sệt. Không, Đạo sĩ có gì hung dữ đâu. Đó là cái run sợ của một đứa con thơ trước mặt mẹ hiền. Rồi riú riú chân, Vua cũng quì xuống. Muôn miệng một lời tụng hô vang dậy: Kính chào Đức Thế Tôn!

Vâng chính là Đức Thế Tôn, Đức Phật Thích Ca. Cảm thông nỗi đau thương của một trăm sanh linh vô tội sắp phải bị hành hình, Phật đã từ Tịnh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, trèo đèo vượt núi về đây gieo mầm chân lý. Phật đỡ Quốc vương dậy và hỏi lý do việc cầu đảo. Quốc vương rơm rớm nước mắt trả lời:

- Bạch Thế Tôn, mẹ con lâm trọng bệnh đã lâu, không thang thuốc gì cứu khỏi. Nay theo lời Phạm chí con định dùng tinh huyết của một trăm con súc vật khác giống mà tạ lễ với trời đất. Kính lạy đấng Điều Ngự xin Ngài hãy chỉ đường vạch lối cho con.

Một con cừu nhỏ lê chiếc chân vấy máu đến ép mình vào chân Đức Phật, như để tìm một nguồn che chở thiêng liêng. Phật cúi nhìn và để một bàn tay lên đầu con thú nhỏ. Ôi cử chỉ mới dịu dàng và êm ái làm sao. Mắt cừu nhỏ gặp mắt Phật long lanh rồi nhỏ lệ. Cả đàn thú cũng ngược đôi mắt ướt hướng về Phật như muốn nói lên những điều oan ức, bất công.

Đức Phật trả lời:

- Nay Quốc vương, không nên theo những lời mê hoặc.

Không một ai, dù là thiên thần quỷ vật, có thể ban phúc hay giáng họa cho người. Ta quyết định đời ta theo đúng luật nhân quả. Muốn được mùa nông dân phải cày sâu cuốc bẫm, muốn giàu sang phải bố thí cho kẻ nghèo hèn, muốn sống lâu phải thực hành Từ bi và không sát hại. Không ai có thể chối cãi điều đó.

- Nhưng bạch Thế Tôn, thiên địa quỷ thần là những kẻ có quyền phép, ta có thể nhờ họ giúp ta?

- Nay Quốc vương, người có thích mặc chiếc áo sơ sài của hành khất không? Người có tham bữa ăn tồi tàn của lớp cùng dân?... Chư thiên cũng thế Quốc vương ạ. Vốn là hạng người phát tâm theo mười điều thiện, khi mạng chung, họ đã được sanh lên một trong ba mươi sáu cõi trời. Ở đó có cung điện huy hoàng, có cung nga thế nữ hàn cận, y thực tự nhiên có... nào họ có cần chi những thứ đồ tạ lễ của Quốc vương, khi lấy huyết một trăm sanh mạng để mưu cầu hạnh phúc cho một người? Quốc vương thật đã làm một việc thiếu suy xét, mà chỉ tin theo lời đường mật của những tà sư. Tội đó lớn lắm.

Từ châu thân đứng Từ bi bỗng lóe lên muôn vàn ánh sáng, chiếu rọi cả muôn loài. Tất cả chúng sanh trong ba đường sáu nẻo bỗng thấy hân hoan và thấm nhuần ánh đạo. Toàn thể hai trăm vị Phạm chí thấy mình lầm đường lạc lối. Họ vội vã cùng nhà vua xin Phật thọ làm đệ tử.

Hoàng thái hậu cũng thấy một sinh lực mới dào dạt chảy vào lòng. Bà đón nhận ánh sáng của chánh đạo, xả bớt lòng tham lam, phát tâm bồ đề, cầu đạo giải thoát. Liên đó bà thấy sức khỏe đã trở lại như xưa. Dưới chân cha lành, bà không ngớt lời chúc tụng.

Phật hiện từ nhìn đàn vật như an ủi, rồi theo lời mời của

vua trở về cung.

Đêm ấy, có một trăm sanh linh thoát khỏi hành hình oan uổng. Cũng trong đêm ấy ở miền biên giới Ấn Độ xa xôi, dân gian say sưa uống những lời thuyết pháp của Đức Từ phụ. Lòng người rửa sạch oán thù, lũ cướp ác hung bỗng ghê bàn tay vấy máu của mình mà trở lại cuộc đời lương thiện. Chánh pháp tung ra, thấm vào từng bộ óc. Không còn cảnh chém giết ghê gớm, không còn người tin theo tà đạo.

Và non nước vui hưởng thái bình trong hào quang Từ bi và Trí tuệ.

4. Tôn giả Xá Lợi Phất (A La Hán báo hiếu mẹ đã viên mãn chưa?)

Trong kinh tạng Pàli, Tôn giả Xá Lợi Phất chiếm địa vị quan trọng hàng đầu, chỉ đứng sau Phật. Nhiều kinh được mở đầu với câu cổ điển “N hư vậy tôi nghe”, mà người thuyết kinh thay vì đấng giác ngộ, thì lại chính là bậc Thánh đệ tử uyên bác ấy đại lao cho Ngài. Có khi đức Đạo Sư thăng pháp tòa, chỉ trình bày một bài kệ ngắn gọn, rồi lui về am thất của Ngài. Trong những dịp như vậy, chúng ta thường gặp Tôn giả Xá Lợi Phất xuất hiện khai diễn ý nghĩa lời dạy súc tích của Phật và cuối cùng, chính Phật đã xác chứng cho lời giải thích của Tôn giả bằng một câu còn giá trị hơn tất cả những lời khen tặng : “Nếu các ông hỏi ta, ta cũng giải thích như Xá Lợi Phất!”.

Tôn giả Xá Lợi Phất (Sàriputra, dịch nghĩa là Thu Tử) là con trưởng trong một gia đình thuộc thế cấp Bà La Môn giàu nhất làng Upatissa, gần Nàlanda ngày nay. Upatissa cũng là tên được đặt cho Ngài khi sơ sinh. Mẹ Ngài tên Sarì. Trong

bốn người con trai Ngài được mang tên của mẹ, trong khi một người em của Ngài lại có tên của cha là Vagantaputra. Tôn giả có ba em trai và ba em gái, về sau đều theo Ngài xuất gia đắc quả A La Hán. Những tiểu sử của các vị này được tìm thấy trong “Trưởng lão Tăng kệ” và “Trưởng lão Ni kệ”.

Ba người em trai của Tôn giả có tên tuần tự như sau: Cunda (Thuần Đà) Upasena và Revata (Ly bà da). Ba em gái của Tôn giả là: Càlà, Upacàlà, và Sàsùpacàlà. Ly Bà Đa là vị đệ tử thiên định đệ nhất của Phật. Vì Ngài là con út, bà mẹ rất cưng quý không muốn cho xuất gia nên tìm cách cưới vợ cho Ngài rất sớm. Vào ngày hôn lễ, không may cho hai gia đình, cậu bé tình cờ thấy bà ngoại già 120 tuổi của cô bé, và trực nhận lý vô thường, trong phút chốc cậu đâm ra chán ngấy tất cả cảnh hoa lệ giả dối của cuộc phù sinh, và muốn thoát ly bằng mọi giá. Được anh cả yểm trợ, cậu út chuồn ngả sau giữa lúc đám tiệc linh đình, và trực chỉ đi đến một ngôi tịnh xá, xuống tóc xuất gia. Ít năm sau khi nhập đạo, vào một mùa an cư, trên đường đi báii yết Phật, Tôn giả dừng chân ở một khu rừng cây Kha-disa (cây gai) và tại đây Ngài đắc quả, nên ngày sau Ngài được hiệu là “Ly Bà Đa ở rừng gai”. Ngài được Phật khen là người xuất sắc nhất trong những vị yêu thích độc cư ở núi rừng.

Em trai giữa tôn giả là Upasena hay Vagataputta là vị tỳ kheo được Phật khen ngợi có hạnh hoan hỷ đệ nhất. Ngài từ trần sau khi bị rắn độc cắn, như được ghi trong một kinh của Tương Ưng bộ.

Người em kế là Cunda (Thuần Bà) được mệnh danh chú tiểu Thuần Bà ngay cả khi thọ giới, vì để phân biệt với Trưởng lão Đại Thuần Đà. Khi Tôn giả Xá Lợi Phất nhập diệt, chính vị này đã hầu cận Ngài và mang di vật của Ngài trở về thông báo với Đức Phật và Thánh chúng.

Ba người em gái của Tôn giả cũng xuất gia sau khi đã lập gia đình mỗi người có một người con. Những người con trai này đã theo học với Tôn giả Ly Bà Đa. Chính Tôn giả Xá Lợi Phất, vào một dịp đến thăm người em út của Ngài lâm bệnh, đã gặp các cháu và khen ngợi hạnh kiểm tốt đẹp của họ, như được tìm thấy trong Trưởng lão Tăng kệ 42, phần luận số.

Hạnh nhân nhục: Mặc dầu cả bảy anh em Tôn giả đều xuất gia theo Phật, bà mẹ Tôn giả vẫn giữ đạo Bà La Môn, và có thái độ thù nghịch với Phật giáo và tất cả những người liên hệ. Bà thù hận sa môn Gotama đã cướp hết đàn con của bà. Vào một năm gặp thời đói kém, Tôn giả Xá Lợi Phất đưa 500 vị Tỳ kheo đến khát thực tại nhà bà Sàrì, bà vừa bày thức ăn bà vừa làm bầm nguyên rửa. Để thực phẩm vào bát Tôn giả, bà mắng:

- Ngu ơi là ngu! Nhà cao cửa lớn, ruộng vườn thẳng cánh cò bay thì không chịu ở, lại bỏ mà đi đầu đường xó chợ, ngủ bụi ngủ bờ, ăn cơm thừa cơm cặn của người ta.

Tôn giả vẫn yên lặng cùng Chúng Tăng thọ thực. Ăn xong, Tăng đoàn cùng theo Tôn giả im lặng trở về tịnh xá. Đại đức La Hâu La nhỏ nhất trong Tăng đoàn thóc mách thuật lại cho Phật nghe mọi sự đã chứng kiến tại nhà bà thí chủ nọ. Phật nhân đó thốt bài kệ sau đây, được ghi trong kinh Pháp cú, phẩm Bà La Môn:

“Đầy đủ đức hạnh không nóng giận,
Trì giới thanh tịnh không nhục nhiễm,
Thì chỉ ngay thân này là cuối cùng,
Không bị tiếp tục sanh nữa,
Người như thế ta gọi là Bà La Môn”.

(danh từ Bà La Môn ở đây chỉ người cao thượng)

Hạnh nhân nhục của tôn giả được Phật và những vị đồng phạm hạnh không ngớt tán dương. Một hôm, một người đang đề cập về các đức tin của tôn giả.

- Trưởng lão Xá Lợi Phất của chúng ta có hạnh nhân nhục chẳng ai bì. Ngài chẳng tức giận ai bao giờ.

Khi nghe thế, một người Bà La Môn lên tiếng:

- Vô lý! Ai mà khởi có lúc tức giận. Đây là vì không ai khiêu khích ông ta thôi.

Mọi người phản đối:

- Không phải vậy đâu, cư sĩ.

Người Bà La Môn kia nói:

- Để tôi có cách chọc ông ta tức giận cho coi.

Người ta đồng ý chờ xem. Ngờ đâu, người Bà La Môn ấy chực khi Tôn giả vào thành Xá Vệ khát thực chạy theo đấm một đấm như búa bổ vào lưng Tôn giả. Tôn giả vẫn thản nhiên không quay lui, chỉ lên tiếng hỏi khẽ: “Cái gì thế” và tiếp tục bước. Người kia sanh tâm hối hận, đến trước tôn giả sụp lạy xin sám hối. Tôn giả hoan hỷ tha thứ ngay. Người kia bạch:

- Bạch tôn giả, nếu Ngài đã tha thứ cho con, xin thỉnh Ngài về nhà con thọ thực, và hôm nay trở đi, xin Ngài cho con được cúng dường Ngài thường xuyên.

Nói xong, y đỡ lấy bình bát trên tay Tôn giả và đưa Ngài về nhà. Nhưng có một bọn người đã vây lấy người Bà La Môn ấy, sẵn gậy gộc cầm tay, và bạch Tôn giả:

- Bạch Ngài, xin Ngài giao tên ác ôn đó cho bọn con sửa

trị một mẻ.

- Tại sao?
- Bạch, nó đánh Tôn giả! Chúng con phải bửa đầu nó ra!
- Kẻ ấy đánh các ông, hay đánh ta?
- Bạch, đánh Tôn giả.
- Vậy thì y cũng đã xin lỗi ta rồi. Các ông hãy đi đi.

Vào một dịp, Phật ngự tại Kỳ Viên tịnh xá, Tôn giả bị một tỳ kheo vu khống, vì vị này phần nộ bất mãn. Khi các Tỳ kheo đến từ giã sau mùa an cư, Tôn giả luôn luôn gọi tên thân mật từng vị Tỳ kheo, nhưng vị này lại không được Tôn giả nhắc đến tên, do nhân duyên ấy, vị này nổi lên phần nộ và bất mãn, nghĩ rằng: “Tôn giả đã không thăm hỏi ta như những người khác”. Đang lúc tức giận, Tôn giả đi ngang lại đụng chéo y vào người ông một cái, làm cho ông càng thêm tức, đến kiện với Phật.

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá Lợi Phất luôn luôn nghĩ mình là đệ tử số 1 của đáng Đạo sư, đã đánh con một tát gần điếc lỗ tai, thế mà không thềm nói gì, đã bỏ đi một bước.

Đức Phật cho gọi Tôn giả Xá Lợi Phất. Thay vì phủ nhận sự vu cáo, Tôn giả đã rống lên tiếng sư tử giữa hội chúng với một bài pháp hùng hồn xác chứng Ngài đã thoát ly vĩnh viễn sân hận, có sức chịu đựng những mạ lỵ phỉ báng như đất nhận đồ phế thải. Vị Tỳ kheo ngập tràn hối hận, xin Ngài tha thứ tội lỗi. Trước đức Đạo sư, Tôn giả thốt lên những lời đầy khiêm cung:

- Bạch Thế Tôn, con tha lỗi vị Đại đức, và con xin vị ấy hãy tha lỗi cho con nếu con có làm gì phật lòng người ấy.

Đức Phật bảo chúng đệ tử đang vây quanh Ngài:

- Nay các Tỳ kheo, Xá Lợi Phất và những người đã chứng đắc như ông không bao giờ ôm lòng hận thù ai. Tâm ông lớn như đại địa, vững như trụ đồng và an tĩnh như mặt nước ao thu.

Lòng nhớ ơn: Trước khi xuất gia, Tôn giả đã nhờ Trưởng lão Assaji mà ngộ đạo – đạo lý duyên sanh và tìm đến Đức Phật để tham học. Tôn giả nhớ ơn vị ấy suốt đời. Khi cùng ở một tịnh xá, Ngài luôn luôn đánh lễ Assaji sau khi đánh lễ đức Đạo sư, và khi Assaji ở chùa khác, Tôn giả thường hướng về ngôi chùa ấy mà đánh lễ sau khi đánh lễ Phật.

Khi Phật ở Xá Vệ trong Kỳ Viên tịnh xá có một người Bà La Môn nghèo khổ làm vườn, quét dọn để kiếm ăn. Phật quán thấy ông ta có thể đắc quả, nên hỏi trong đại chúng có ai nhớ đã chịu ơn của người Bà La Môn kia lần nào không. Ngài Xá Lợi Phất thưa rằng, có lần Ngài khát thực trong thành Vương Xá, người Bà La Môn kia đã sốt cho Ngài một muống đồ ăn của y đã xin được. Phật bảo: vậy ông hãy độ y xuất gia. Dưới sự hướng dẫn của Tôn giả, chẳng bao lâu người này đắc quả A La Hán.

Bậc thiện tri thức: Tôn giả Xá Lợi Phất là bậc thiện tri thức của tất cả mọi người. Ngài được tất cả yêu kính không những vì trí tuệ siêu phàm mà còn vì đức khiêm cung và lòng từ bi hiếm có. Ngài không bao giờ tỏ ra mình là bậc thượng thủ trong giáo hội của Phật. Trong tịnh xá Kỳ Đà Lâm, Tôn giả luôn luôn vấn an thăm hỏi những vị thượng tọa già yếu bệnh tật, và mỗi khi ra khỏi độc cư thiền định Ngài thường đi một lượt quanh khu tịnh xá, quét dọn lại những nơi bừa bãi, để du khách khỏi chê cười đệ tử Phật ở dơ. Mỗi khi theo Phật

du hóa một vùng xa, Tôn giả thường đi sau cùng, sau khi thu xếp cho những vị Tỳ kheo yếu bệnh. Cũng vì lẽ ấy mà có bạn Tôn giả đến nơi đã định khi quá nửa đêm, không có chỗ nào dành cho Tôn giả, Tôn giả đành ngồi nghỉ tạm ngoài trời, dưới một gốc cây. Khi Đức Phật biết rõ việc này, Ngài liền chế định, phải dành chỗ sẵn cho những bậc tôn túc trưởng thượng.

Thông thường, những người quá thông minh xuất chúng phải trả giá thiên tài của họ bằng nỗi cô đơn. Nhưng Tôn giả Xá Lợi Phất lại là một ngoại lệ. Ngài có rất nhiều bạn, có thể nói Ngài là bạn của tất cả, kể từ Đức Phật trở xuống.

Nhiều kinh điển Pali đã ghi lại những cuộc luận đàm kỳ thú giữa Tôn giả Xá Lợi Phất với những bậc Thánh đệ tử khác. Chính đức Đạo sư dường như cũng ưa nói chuyện với Tôn giả hơn với những người khác. Ngài thường gọi: “Này Xá Lợi Phất” mỗi khi thuyết pháp. Thật là một địa vị đáng thêm.

Đức tính thứ nhất làm cho mọi người yêu kính là Tôn giả: biết thấy ưu điểm của người khác. Một lần, khi Tôn giả đang thiền định ngoài khoảng trống, có một con quỷ chơi xấu, đến đánh một cú như trời giáng vào đỉnh đầu. Nhưng do định lực sâu xa Tôn giả không bị giao động. Khi Ngài xuất định, Tôn giả Mục Kiền Liên đến hỏi:

- Hiền giả có hề gì không?

Xá Lợi Phất đáp:

- Không sao cả thưa Hiền giả. Tôi chỉ bị nhức đầu chút ít.

- Kỳ diệu thay! Thật kỳ diệu thay năng lực thần thông

siêu việt của Hiền giả Mục Kiền Liên, có thể thấy được mặt mày con quỷ ấy.

Tôn giả Mục Kiền Liên và Tôn giả Xá Lợi Phất là đôi bạn chí thiết từ nhỏ, ra đời cùng một ngày, trưởng thành trong một môi trường sang quý như nhau. Trong lúc tham dự một cuộc vui huyên náo kéo dài nhiều đêm, đôi bạn cùng một lúc khởi tâm nhàm chán thế tục với những lớp sơn lừa phỉnh của ngũ dục tạm bợ và cùng nhau đi tìm thầy học đạo. Trước hết, họ theo Sanjaya một tu sĩ ngoại đạo nổi danh ở thành Vương Xá. Với sự gia nhập của Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, uy tín của Sanjaya càng tăng gấp bội, và những thanh niên thuộc danh gia vọng tộc cũng nối gót hai ngài đến thọ giáo với Sanjaya. Trong một thời gian ngắn, đôi bạn đã học xong tất cả những gì Sanjaya có thể trao truyền, nhưng vẫn không tìm thấy đâu là con đường đưa đến giải thoát. Họ phải từ giã Sanjaya và sau này, khi được gặp Phật, nghe giáo lý của Ngài, họ sung sướng trở về khuyên Sanjaya theo Phật. Khi ấy Sanjaya nói một câu điển hình của hạng thầy dốt nát như ông:

- Địa vị của ta không cho phép ta làm một người học trò được. Người tốt hơn nên ở lại với ta. ta sẽ chia cho một nửa đồ chúng mà lãnh đạo.

Xá Lợi Phất thưa:

- Thưa thầy, tôi không hiềm gì phải làm một học trò suốt đời, bao lâu chưa tìm ra được con đường giải thoát sanh tử. Và một đáng giác Ngộ không thể gì gặp được! Xin thầy hãy cùng đi với chúng tôi!

- Trong thiên hạ, kẻ ngu nhiều hơn hay kẻ trí nhiều hơn?

- Thưa thầy, kẻ ngu bao giờ cũng nhiều hơn người trí.

- Vậy thì hãy để những người trí đến với Sa môn Gotama, còn kẻ ngu sẽ theo ta.

Khi đôi bạn ra đi, một nửa đồ chúng của vị thầy cũng đi theo họ đến quy y Phật, hai vị Tôn giả đã trở thành đôi cánh của một con chim đại bàng. Hai vị đối với đấng Đạo sư là hai cánh tay đắc lực trên đường hoàng pháp đến nỗi khi hai Ngài nhập Niết bàn, Đức Phật đã thốt ra:

- Hội chúng từ nay đối với ta thật trống rỗng.

Qua lời dạy ấy, chúng ta có thể thấy rõ tầm quan trọng của hai bậc Thánh đệ tử ấy đối với đức Đạo sư và đối với chánh pháp.

Một đức tính khác làm cho Tôn giả Xá Lợi Phất được tất cả đồ chúng của Phật yêu kính là Ngài biết tôn trọng ý kiến của mọi người. Ngài không bao giờ tự cho là trí tuệ đệ nhất để áp đảo kẻ khác bằng lý luận. Trong những cuộc luận đàm Tôn giả thường hỏi ý kiến từng người, để họ tự do phát biểu, và khi có sự bất đồng Ngài rủ mọi người cùng đi đến yết kiến Phật để xin đức Đạo sư giải quyết, chứ không bao giờ tự cho ý kiến mình đúng, thiên hạ đều sai. Một kinh của Trung bộ III kể, vào một đêm rằm, trăng sáng vàng vạc chiếu xuống khu vườn cây Sa La nơi Tôn giả đang trú ngụ. Đêm khuya, trăng tỏ, hương hoa đang mùa rộ nở cùng với sương đêm tỏa ngát không gian. Cảnh thật xứng với người: một cuộc hội kiến giữa những bậc thượng thủ đến thăm Tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả mở màn cho cuộc pháp thoại bằng một câu hỏi, cũng vừa là một lời chào:

- Đêm thanh, trăng tỏ, vườn Sa La khả ái thơm nức một mùi hương như thiên giới, chư Hiền nghĩ sao, vị Tỷ kheo nào, theo ý chư Hiền, sẽ là người làm sáng chói khu vườn (tức một mẫu Tỷ kheo lý tưởng trong Phật giáo phải như thế

nào?)

Tôn giả A Nan đáp:

- Theo tôi, một vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn là vị nào đa văn đệ nhất.

Tôn giả Ca Diếp:

- Vị Tỳ kheo sáng chói khu vườn là vị trì khổ hạnh đầu đà đệ nhất.

Tôn giả Mục Kiền Liên:

- Tôi thì cho rằng vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn, chính là vị nào thành tựu biện tài số một.

Tôn giả Ly Bà Đa:

- Ý kiến của tôi thì, vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn phải là người thiên định bậc nhất.

Khi tất cả mọi người đều cho ý kiến, Tôn giả Mục Kiền Liên giục bạn:

- Hiền giả nghĩ sao? Ý kiến của người nào đúng? Và ý Hiền giả như thế nào về một vị Tỳ kheo làm sáng chói khu vườn?

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp:

- Vị Tỳ kheo nào chế phục được tâm, không bị tâm chế phục. Vị Tỳ kheo nào, buổi sáng muốn trú tâm như thế nào, có thể an trú tâm như thế ấy vào buổi sáng. Buổi trưa vị ấy muốn an trú tâm nào vị ấy cũng có thể làm như ý muốn vào buổi trưa. Buổi chiều, buổi tối cũng vậy.

Như một vị vua hay đại thần có một tủ đầy áo đẹp, và

khi vị ấy sáng muốn mặc áo nào, trưa muốn mặc áo nào, chiều muốn mặc áo nào đều có thể làm theo ý muốn của mình. Cũng thế, đối với một vị Tỳ kheo đã chế phục được tâm ý, không bị tâm chế phục. Một vị Tỳ kheo như thế, này Hiền giả, sẽ làm sáng chói khu vườn Sa La khả ái này. Nhưng này chư Hiền, chúng ta hãy đi đến đánh lễ đáng Đạo sư để thỉnh giáo về vấn đề này.

Khi Đức Phật nghe thuật lại ý kiến của từng vị. Ngài dạy rằng mọi người đều trả lời đúng theo địa vị khả năng của mình. Tuy nhiên, Ngài thêm ý kiến của Ngài theo đó:

- Vị Tỳ kheo sáng chói khu vườn chính là vị nào sau khi đi khất thực về, sau khi chánh niệm thọ thực xong, rửa chân rồi trải tọa cụ ngồi thiền cho đến khi nào không còn lậu và móng khởi.

Điểm lý thú trong kinh này là ở chỗ khi mới nghe qua, chúng ta thấy dường như mỗi vị tự đề cao cá nhân vậy, song kỳ thật không thế. Mỗi người phát biểu cái lý tưởng mình muốn đạt, cho nên ngài A Nan, con người ưa đa văn, tôn trọng học vấn, đương nhiên phải cho đa văn là nhất. Ngài Ca Diếp cho hạnh đầu đà là lý tưởng của xuất gia, nên Ngài mới chuyên môn hạnh ấy. Mục Kiền Liên yêu thích biện tài, muốn phát triển mặt ấy, nên cho rằng thành tựu biện tài là nhất. Ly Bà Đa chú trọng thiền định cũng thế, vì cho thiền định là lý tưởng. Câu đúc kết của Phật rất ý vị ở chỗ, cái điều Ngài cho là lý tưởng chính là những việc làm rất thường, không có gì quái dị phức tạp, thế mà lại rất khó, chỉ có Phật mới thành tựu trọn vẹn được. Đó là những việc như ăn cơm, rửa chân, trải tọa cụ ra ngồi... những việc Phật làm khi mở đầu kinh Kim Cang. Như vậy, ta thấy rõ Phật muốn ám chỉ đạo là rất giản dị, đó là cái tâm bình thường (bình thường tâm thị đạo), nhưng đồng thời quả thật cái việc “thường” ấy lại

khó khăn gấp bội những việc “phi thường” của các bậc đa văn, biện tài, trí tuệ.

Tôn giả Xá Lợi Phất lại còn một đức tính khá thu hút tất cả những bậc đồng phạm hạnh ấy là khiêm tốn và hâm mộ những tài đức khác. Kinh Trại Xe (TB II) kể, có vị Tôn giả là Phú Lô Na được Phật và chúng Tỳ kheo ở chung luôn luôn tán thán về giới hạnh không thiếu sót, yêu thích độc cư, tinh tấn, tri túc, thiểu dục, đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và là người thường khuyến khích người khác tu những hạnh kể trên. Khi nghe như vậy, Tôn giả Xá Lợi Phất vô cùng hoan hỷ mong muốn có ngày sẽ gặp được Tôn giả. Phú Lô Na đến yết kiến Phật và lui về ở một nơi lân cận. Các vị Tỳ kheo báo tin cho Ngài Xá Lợi Phất biết để đi thăm. Đến nơi, Tôn giả bắt đầu hỏi chuyện:

- Hiền giả, hiền giả vì mục đích gì mà sống phạm hạnh với Đức Đạo sư? Phải chăng vì mục đích thành tựu giới thanh tịnh?

- Không phải vậy, hiền giả.

- Vì mục đích kiến thành tịnh?

- Không phải vậy, hiền giả.

- Vì mục đích đoạn nghi thanh tịnh?

- Không, hiền giả, phi đạo.

- Vì mục đích Đạo tri kiến thanh tịnh?

- Cũng không, hiền giả.

- Vì mục đích Đạt tri kiến thanh tịnh?

- Cũng không, hiền giả.

Khi ấy Tôn giả Xá Lợi Phất nói:

- Hiền giả, tôi hỏi cái gì hiền giả cũng đáp không phải mục đích ấy mà hiền giả sống phạm hạnh. Vậy thì, hiền giả sống phạm hạnh vì mục đích gì?

- Hiền giả, với mục đích vô thủ trước Niết bàn.

Xá Lợi Phất hỏi tiếp:

- Có phải Giới thanh tịnh là vô thủ trước Niết bàn?

Phú Lâu Na đáp không. Hỏi tâm thanh tịnh, cũng đáp không, lần lượt hỏi bảy thanh tịnh, cũng đáp không phải là vô thủ trước Niết bàn. Khi ấy, Xá Lợi Phất hỏi lại:

- Trong bảy thanh tịnh, hiền giả đều nói không có cái gì là vô thủ trước Niết bàn, nghĩa là làm sao?

Phú Lâu đáp:

- Hiền giả, nếu Thế Tôn dạy giới thanh tịnh là Vô thủ trước Niết bàn thì Vô thủ trước ấy cũng đồng đẳng với Hữu thủ trước (chấp vào giới), về sáu thanh tịnh kia cũng vậy. Và nếu Thế Tôn dạy cái gì ở ngoài bảy pháp ấy là Vô thủ trước Niết bàn, thì kẻ phàm phu cũng gọi là Bát Niết bàn, vì phàm phu không có bảy pháp ấy. Hiền giả, tôi lấy một ví dụ. Như vua Ba Tư Nặc đi từ Xá Vệ đến Sàveta qua bảy trạm xe. Khi vua đến nơi bằng chiếc xe của trạm thứ bảy, đình thần ra đón và hỏi có phải nhờ chiếc xe này mà vua đi từ Xá Vệ đến hay không. Khi ấy, vua phải trả lời thế nào mới đúng? Xá Lợi Phất đáp:

- Dĩ nhiên vua phải nói, đã đi từ trạm thứ nhứt đến trạm thứ hai bằng một cỗ xe khác, lần lượt đổi xe ở mỗi trạm cho đến cỗ xe cuối cùng này.

- Hiền giả, cũng như vậy với bảy thanh tịnh. Giới thanh tịnh chỉ có mục đích đạt được Tâm thanh tịnh, Tâm thanh tịnh là để đạt đến Đoạn nghi thanh tịnh, Đoạn nghi thanh tịnh là để đạt đến Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Đạo tri kiến thanh tịnh, Đạo tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Tri kiến thanh tịnh. Tri kiến thanh tịnh là để đạt đến Vô thủ trước Niết bàn.

Nghe xong, Tôn giả Xá Lợi Phát hỏi Tôn giả Phú Lô Na:

- Tôn giả tên gì? Các vị đồng phạm hạnh gọi Tôn giả như thế nào?

- Tên tôi là Phú Lô Na, các bạn gọi tôi là Di Đa La Ni Tử.

- Thật vi diệu thay hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được một bậc đệ tử đa văn của đáng Đạo Sư giải, và vị ấy là Tôn giả Phú Lô Na. Thật hạnh phúc cho chúng tôi được thân cận thăm viếng Tôn giả.

Khi ấy, Tôn giả Phú Lô Na hỏi lại:

- Còn hiền giả tên chi, các vị đồng phạm hạnh gọi hiền giả như thế nào?

- Tên tôi là Tích Sa, các vị đồng phạm hạnh gọi tôi là Xá Lợi Phát.

Một bất ngờ kỳ thú! Tôn giả Phú Lô Na muốn bật ngửa người vì ngạc nhiên, không ngờ này giờ mình múa rìu qua mắt thợ! Nhưng ông thợ này quá khiêm tốn dễ thương. Ngài Phú Lô Na ngọ đi một hồi mới bảo:

- Tôi đang nói chuyện với bậc đệ tử được xem ngang

hàng với đức Đạo sư mà không biết! Nếu tôi biết Ngài là Tôn giả Xá Lợi Phất, thì tôi đã không nói nhiều như vậy.

Những ngày cuối cùng: Sau một mùa an cư ở làng Beluva gần Vesàlì, Đức Thế Tôn tuần tự trở về Xá Vệ, Tôn giả Xá Lợi Phất đến đánh lễ Đức Đạo sư rồi trở về độc cư thiền định. Khi Tôn giả an lành xuất định, Ngài khởi lên ý nghĩ: “Thông thường các đáng Giác Ngộ nhập Niết bàn trước hay các đệ tử trưởng nhập trước?”. Rồi quán sát nội lực của tự thân, Ngài thấy thân dư báo chỉ còn tồn tại bảy ngày. Kể đó Tôn giả tự hỏi: “Không biết ta sẽ xả bỏ báo thân ở chỗ nào? La Hầu La thì nhập diệt ở cõi Tam thập tam thiên, Tôn giả Kiều Trần Như ở trên đỉnh núi Hy Lạp. Còn ta, thì chỗ nào?” Nghĩ đi nghĩ lại, Ngài bỗng nhớ đến mẹ. “Mẹ ta, mặc dầu là mẹ của bảy vị A La Hán, bà vẫn không có lòng tin đối với Phật, Pháp, Tăng. Bà còn chút duyên nào để sanh khởi tịnh tín chăng?” Tôn giả quán sát một hồi và thấy rằng mẹ có thể chứng quả dự lưu. Rồi Ngài tự hỏi do ai mà bà sẽ được chứng quả? Quán sát bằng thiên nhãn thiền định, Ngài thấy chính do mình mà mẹ sẽ đắc quả. Do đó Ngài quyết định trở về quê cũ để nhập diệt. Tôn giả Thuần Đà em ruột Ngài, cùng với 500 đồ chúng của Ngài được lệnh thu xếp để theo Ngài về Nàlaka. Đi đến bái biệt vị Đạo sư lần cuối, Ngài tác bạch:

- Bạch Thế Tôn, xin đáng Thiện Thệ hứa khả cho con: thời gian nhập Niết bàn của con đã đến. Từ đây sẽ không còn luân hồi sanh tử với con. Đây là lần cuối cùng con đến đánh lễ Đức Thế Tôn. Bảy ngày nữa, con sẽ đặt chân đặt thân này xuống, sẽ quăng bỏ gánh nặng này. Xin đáng Đạo sư hứa khả.

Đức Thế Tôn im lặng. Nếu Ngài tán thành bằng một câu: “Được, ông hãy nhập Niết bàn đi”, người ta sẽ cho rằng Ngài

khuyến khích sự chết. Nếu Ngài bác bỏ rằng: “Ông đừng nhập Niết bàn” người ta sẽ cho rằng Phật tán thán sự sống. Cho nên Phật yên lặng. Ngài chỉ từ tốn hỏi lại:

- Ông sẽ nhập Niết bàn ở chỗ nào?

Tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn, tại xứ Ma Kiệt Đà, trong làng Nàlaka, ở ngay trong cái nhà con đã ra chào đời, con sẽ nhập Niết bàn tại đó.

Khi ấy, Thế Tôn dạy:

- Ông hãy làm những gì ông nghĩ là phải thời. Nhưng từ nay các huynh đệ của ông trong tăng chúng sẽ không còn được thấy một vị Tỳ kheo như ông nữa. Hãy thuyết pháp cho họ một lần cuối cùng.

Tôn giả vâng lệnh, thăng pháp tòa. Với giọng nói trầm tĩnh mà hùng hồn, dung điệu uy nghiêm khả kính, Tôn giả ban bố pháp nhủ cho đại chúng lần cuối cùng. Khi thì Ngài đưa tâm hồn cử tọa lên đến những đỉnh cao tuyệt vời của chân đế, khi thì pháp âm bay lượn là đà xuống tục đế với những thí dụ trước mắt. Khi thì Ngài thuyết pháp bằng cách trực chỉ, khi thì Ngài dùng ẩn dụ. Thuyết xong thời pháp Tôn giả đến đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Ngài ôm chân Phật, bạch rằng:

- Chính vì ước nguyện được đánh lễ đôi chân này mà con đã hoàn thành các pháp ba la mật trải qua vô lượng kiếp. Nguyện ước của con nay đã thành tựu. Từ nay sẽ không còn gặp gỡ, bạch Thế Tôn, nếu con có lời nói hay việc làm nào không vừa ý Thế Tôn, xin Thế Tôn tha thứ cho con. Bây giờ đã đến lúc ra đi.

Phật đáp:

- Ta tha thứ cho ông, Xá Lợi Phát. Nhưng ông không có lời nói hay việc làm nào không vừa ý ta. Ông hãy làm những gì ông thấy phải thời.

Ngay khi Tôn giả đứng lên từ biệt Phật đại địa chấn động, trời nổi sấm sét, một đám mây đen lớn trùm khắp như một chiếc khăn tang của hoàn vũ và một trận mưa ào ào trút xuống, như òa khóc trước cảnh ra đi của một bậc Chứng Trung Tôn.

Đức Thế Tôn bảo đồ chúng đang vây quanh:

- Bây giờ, các con hãy ra đi đưa tiễn bậc huynh trưởng của các con lần cuối.

Toàn thể tứ chúng đều rời Kỳ Viên Tịnh xá chỉ còn lại một mình đức Phật. Họ đi theo Tôn giả từng đoàn lũ lượt càng lúc càng đông vì dân chúng thành Xá Vệ cũng tiếp theo đoàn đưa tiễn, với đầu tóc nhúng nước rũ rượi (dấu hiệu tang lễ thời ấy), họ theo khóc lóc ta thán. Tôn giả ủy lạo quần chúng đang rên siết:

- Đây là một đoạn đường mà không ai tránh khỏi.

Và Ngài bảo họ trở về. Quay lại Tăng chúng ở Kỳ Viên đang theo đưa tiễn Ngài, Tôn giả căn dặn:

- Bây giờ, chư hiền hãy trở lại Tịnh xá đi. Hãy nhớ chăm sóc đấng Đạo Sư!

Còn lại 500 đồ chúng, Tôn giả tiếp tục cuộc hành trình. Cuộc du hành kéo dài cả tuần lễ, khiến nhiều người được dịp chiêm bái Tôn giả lần cuối cùng. Khi về đến làng quê trời đã tối. Tôn giả dừng chân dưới một gốc đa đầu làng. Tình cờ,

một người cháu của Tôn giả đi mua đồ về, thấy Tôn giả, đến gần chào Ngài, Ngài hỏi:

- Bà ngoại con có nhà không?

- Bạch Tôn giả, có.

- Con hãy trở về báo tin có chúng ta đến. Thưa bà rằng chúng ta sẽ ở trong làng một ngày, và xin bà dọn chỗ cho ta trong phòng ta đã ra chào đời, và sắp đặt chỗ nghỉ cho 500 vị Tỳ kheo.

Cậu bé trở về thuật lại cho thân mẫu Tôn giả. Nghe xong, bà ngẫm nghĩ: “Tại sao con ta lại trở về? Tại sao y bảo dọn chỗ cho đông người quá vậy? Sao lại muốn ở trong phòng chỗ chào đời? Bộ muốn hoàn tục hay sao? Bao nhiêu câu hỏi xoay vần trong đầu óc bà cụ. Nhưng bà vẫn làm theo lời dặn”.

Khi Tôn giả về đến nhà, Ngài vào phòng dành sẵn, và bảo các Tỳ kheo hãy đi đến khu vực dành cho họ. Chúng Tỳ kheo vừa đi khỏi, Tôn giả phát đau bụng dữ dội, quặn thắt cả ruột. Ngài đi cầu không ngớt, thị giả đem thùng vào rồi đem ra. Bà mẹ lo âu, thầm nghĩ: “Cha chả, bộ con mình gặp nguy rồi”. Và bà cụ cứ đứng như vậy nhìn về phía phòng Tôn giả suốt đêm không dám đến gần. Trong lúc ấy Tứ Thiên Vương bằng thiên nhãn thấy bậc Đại Tuệ Xá Lợi Phất sắp nhập diệt, bàn nhau xuống trần để viếng thăm Ngài. Giữa đêm khuya, gian phòng sáng rực vì dung sắc của vị Thiên Vương chiếu ra. Tôn giả hỏi:

- Ai thế?

- Bạch Tôn giả, chúng tôi là những vị trời Tứ Thiên Vương.

- Các ngài đến đây làm gì?
- Chúng tôi muốn hầu hạ Tôn giả trong cơn bệnh.
- Cảm ơn, tôi đã có thị giả. Các ngài đi đi.

Sau khi Tứ Thiên Vương từ biệt, đến lượt Đế Thích, và sau Đế Thích là Đại Phạm Thiên đến viếng thăm Tôn giả. Tôn giả đều cảm ơn bảo họ lui về. Bà cụ suốt buổi quan sát dung sắc thù thắng của những vị khách cõi trời mà lòng cảm thấy quái lạ. Bà tự hỏi: “Ai vậy? Ai mà đối với con ta có vẻ cung kính thế nhỉ?”. Rồi, không can nỗi cơn tò mò, bà đến tận cửa phòng Tôn giả. Tôn giả Thuần Đà báo tin cho sư huynh, Tôn giả hỏi:

- Tại sao mẹ đến vào giờ khuya khoắt này?
- Để thăm con, con ạ! Đây, con hãy nói cho mẹ nghe, những người đến đầu tiên là ai thế?
- Thừa mẹ, đó là Tứ Thiên Vương.

Bà mẹ trở mặt:

- Ô ra, con còn lớn hơn Tứ Thiên Vương kia à?

Tôn giả đáp:

- Họ cũng như những người giữ chùa từ ngày Đức Thế Tôn đản sanh, họ đã luôn luôn canh gác đêm ngày, grom đeo lưng lẳng.

- Và kế tiếp họ là ai thế?
- Đó là Đế Thích, vua của những vị trời.
- Vậy con lại lớn hơn Đế Thích à?

- Ông ấy cũng như chú tiểu ôm y bát theo hầu các Tỷ kheo. Khi đắc Đạo Sư lên cõi trời 33, chính Đế Thích đã ôm y bát theo hầu Ngài trở về trần thế.

- Ô, còn sau Đế Thích là ai nữa?

- Đó chính là vị Phạm Thiên mà mẹ thờ.

- Ui chao! Thế ra con còn hơn cả vị trời Đại Phạm của mẹ nữa sao?

- Vâng thưa mẹ, vào ngày đắc Đạo Sư đản sanh, chính bốn vị trời Đại Phạm đã đưa lưới báu cõi trời đỡ lấy thánh nhi.

Khi nghe thế, bà cụ suy nghĩ: “Nếu con ta đã có oai thần như vậy, thì bậc thầy của con ta còn oai thần đến bậc nào”. Và khi nghĩ thế, một niềm hoan hỷ tràn ngập thân tâm bà. Tôn giả quán thấy mẹ mình đã phát tâm sinh hỷ lạc đối với Tam Bảo, và đã đến lúc nên thuyết pháp cho bà. Ngài hỏi:

- Mẹ nghĩ gì thế?

- Tôi đang nghĩ rằng, nếu con tôi đã oai thần như vậy, thì đắc Đạo Sư của người còn oai thần đến mức nào.

Tôn giả Xá Lợi Phất đáp:

- Vào lúc đắc Đạo Sư đản sanh, lúc Ngài xuất gia, lúc đắc đạo và chuyển pháp luân lần đầu, vào tất cả những dịp ấy, mười phương thế giới đều rung chuyển. Không có ai sánh được với Ngài về phương diện giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.

Rồi Tôn giả tiếp tục giải thích cho mẹ nghe vì sao Đức Đạo Sư đã được xưng tôn là đắc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng

sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật Thế Tôn. Nghe xong thời pháp, bà cụ đặc quả dự lưu. Bà hỏi Tôn giả:

- Tại sao, này con Tích Sa yêu dấu, tại sao suốt nhiều năm ròng con đã không ban bố cho mẹ pháp vị cam lồ này.

Tôn giả nghĩ thầm: “Thế là ta báo đền ơn dưỡng dục”. Và Ngài bảo mẹ:

- Bây giờ tín nữ hãy về nghỉ đi.

Khi bà cụ đi khỏi, Tôn giả hỏi Thuần Đà:

- Bây giờ khoảng canh mấy?

- Bạch Tôn giả, gần tảng sáng rồi.

- Hãy triệu tập chúng Tỳ kheo.

- Thừa vâng, bạch Tôn giả.

Khi chúng Tỳ kheo đến, Tôn giả bảo Thuần Đà:

- Hãy đỡ ta ngồi dậy, Thuần Đà.

Sau khi ngồi dậy, Tôn giả nói với chúng Tỳ kheo:

- Này chư hiền, tôi đã sống, du hành với chư hiền trong 40 năm. Trong thời gian ấy, nếu tôi có làm gì, nói gì không vừa ý xin chư hiền tha thứ cho tôi.

Tất cả đồng thanh bạch:

- Thừa Tôn giả, không có một điều bất mãn nhỏ nào Tôn giả đã gây cho chúng con, những người theo Tôn giả như bóng theo hình. Nhưng bạch Tôn giả, xin Tôn giả hãy tha thứ cho chúng con!

Kế đó, Tôn giả quán y quanh mình trùm cả mặt, nằm

xuống hông bên phải. Rồi, cũng như Đức Thế Tôn đã làm khi Ngài nhập Niết bàn, Tôn giả lần lượt nhập và xuất chín tầng lớp thiền định rồi trở lại nhập sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Sau tứ thiền, Ngài hoàn toàn nhập Niết bàn vô dư y. Đó là ngày rằm tháng Kattika tức vào khoảng giữa tháng 10 và 11 dương lịch.

Khi được tin, bà cụ không ngớt than khóc cho tới khi mặt trời mọc. Bà mở kho xuất nhiều tiền bạc để làm tang lễ. Quần chúng khắp làng đến nghe thuyết pháp và đánh lễ thi hài Tôn giả. Bảy ngày sau, lễ trà tỳ được cử hành. Thi hài Tôn giả được đặt trên một giàn hỏa lớn bằng gỗ trầm. Sau khi hỏa táng, Tôn giả A Nâu Lô Đà rưới nước thơm dập tắt ngọn lửa. Tôn giả Thuần Đà khâu chặt xá lợi bọc vào trong một mảnh y. Liên sau đó, Tôn giả trở về Xá Vệ báo tin cho Phật, mang theo y bát và xá lợi của vị sư huynh. Đến nơi, Thuần Đà bái yết thị giả A Nan trước và tác bạch:

- Bạch Tôn giả, Tôn giả Sàriputta đã nhập Niết bàn. Đây là y và bát của Ngài.

- Hiền giả, về việc này ta hãy đi đến đấng Đạo sư.

- Thừa vâng, bạch Tôn giả.

Rồi cả hai cùng đi đến Đức Phật. Sau khi đánh lễ Phật, họ ngồi qua một phía.

Tôn giả A Nan bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn, chú tiểu Thuần Đà nói với con rằng Tôn giả Sàriputta đã nhập Niết bàn. Đây là y bát của Tôn giả. Khi nghe vậy bạch Thế Tôn, con bủn rủn tay chân vạn vật xung quanh con trở nên mờ mịt. Con không còn trông rõ cái gì ra cái gì nữa, khi nghe tin Tôn giả Sàriputta từ

trần!

- Sao vậy? A Nan. Khi Xá Lợi Phất từ trần, ông ấy có đem theo bớt đi phần giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nào của ông chăng?

- Không phải vậy, bạch Thế Tôn. Khi Tôn giả Sàriputta từ trần, Tôn giả đã không đem theo bớt phần giới định tuệ nào của con cả. Nhưng bạch Thế Tôn, Tôn giả đối với con là vị hướng dẫn, một bậc đàn anh, một người hướng đạo, một người đã khích lệ con làm con hoan hỷ, phấn khởi, một người giảng pháp không biết mỏi mệt, một người giúp đỡ kẻ đồng phạm hạnh. Chúng con nhớ xiết bao những lời chỉ giáo bổ ích, linh động và thú vị của Tôn giả!

- A Nan, há tôi không dạy cho ông rằng sớm muộn, chúng ta đều phải chịu sự chia ly với những gì thân yêu gần gũi? Cái gì đã sinh thành tất phải hoại diệt, tan rã. Không phân ly là điều không thể có. Nay A Nan cũng như cành lớn của một cây đại thọ vững mạnh đã gãy xuống, Xá Lợi Phất nhập diệt đối với chúng Tỳ kheo thanh tịnh này cũng vậy. Quả thế, A Nan có tụ hội tất phải có phân ly. Không phân ly là điều không thể có. Bởi thế, nay A Nan hãy tự mình làm một hòn đảo, một chỗ nương cho chính mình, đừng tìm chỗ nương tựa bên ngoài. Hãy lấy chánh pháp làm hòn đảo, lấy chánh pháp làm chỗ nương đừng tìm chỗ nương nào khác.

Rồi Đức Thế Tôn đưa tay đỡ lấy di cốt của vị Thánh đệ tử thân yêu, và bảo đại chúng:

- Nay các Tỳ kheo, đây là di cốt trắng như vỏ ốc của vị Tỳ kheo cách đây không lâu đã xin phép ta để nhập Niết bàn.

Vị Tỳ kheo ấy là người thành tựu các hạnh Ba La Mật trải qua vô lượng kiếp. Vị Tỳ kheo ấy là người đã giúp ta

chuyển bánh xe pháp. Vị Tỳ kheo ấy là người được chỗ ngồi bên cạnh ta. Vị Tỳ kheo ấy là người trong cõi Tam thiên thế giới không có ai sánh kịp về phương diện trí tuệ, chỉ trừ Đức Như Lai. Vị Tỳ kheo ấy là người có trí tuệ lớn, có trí tuệ rộng, có trí tuệ sáng, có trí tuệ sắc bén, có trí tuệ sâu xa. Vị Tỳ kheo ấy ít muốn biết đủ, thích độc cư, không thích đám đông, đầy nghị lực. Vị Tỳ kheo ấy là bậc khích lệ những người đồng phạm hạnh, sẵn sàng chỉ điểm những lỗi lầm. Vị Tỳ kheo ấy khi xuất gia đã từ bỏ một gia sản lớn lao có được nhờ công đức tích lũy từ 500 đời trước. Vị Tỳ kheo ấy là người có hạnh nhẫn nhục như đại địa. Vị Tỳ kheo ấy có tâm bất hại, như một con trâu đực đã cưa hai sừng. Vị Tỳ kheo ấy có tâm khiêm hạ như đồng tử.

Này các Tỳ kheo, hãy nhìn đây xương trắng tro tàn của bậc Đại tuệ, bậc Quảng tuệ, bậc Lợi tuệ, bậc Minh tuệ ấy, con người ít muốn biết đủ ấy, con người ưa thích độc cư, con người đầy nghị lực ấy! Nhìn đây, xương tàn của một Tỳ kheo đã khích lệ, làm cho phẫn khởi đáng Tỳ kheo, sẵn sàng chỉ điểm lỗi lầm cho chúng Tỳ kheo.

Bên bờ sông Hằng, không lâu sau khi hai đệ tử của Ngài nhập diệt, một hôm Đức Thế Tôn đưa mắt im lặng nhìn khắp tất cả đại chúng vây quanh rồi dạy:

- Hội chúng này, hỡi các Tỳ kheo, đôi với ta bây giờ quả thật trống rỗng, khi Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên không còn!

5. Mục Kiền Liên Tôn Giả (A LA HÁN báo hiếu mẹ đã viên mãn chưa?)

Trong hàng Thánh Chúng. Mục Kiền Liên không những

là vị thần thông số một, bản tánh rất năng động mà còn là một vị có hiếu đạo hơn hết. Một hôm, nhớ mẹ, Mục Kiền Liên vận dụng thần thông đi khắp mọi nơi để tìm mẹ. Khi vào địa ngục, Mục Kiền Liên thấy mẹ không chỉ ở chốn địa ngục, mà còn đói khủng khiếp, cơ thể vô cùng gầy yếu. Để phục hồi sức lực cho mẹ là bà Thanh Đề, Mục Kiền Liên đem cơm dâng cho mẹ. Mừng quá, bà Thanh Đề dùng tay trái che bát để cho tù nhân khác không thấy thức ăn, tay phải bốc cơm đưa vào miệng. Nhưng than ôi! Cơm thành than đỏ, bà không thể nào ăn được. Mục Kiền Liên rơi nước mắt, lòng buồn vô tận! Mục Kiền Liên vận đủ mọi phương tiện để cứu mẹ, nhưng vẫn không có kết quả.

Trở về bạch Phật sự tình và hỏi lý do. Với tinh thần từ ái, Phật nói: Mục Kiền Liên, lúc sanh tiền mẹ ông đã hủy báng Phật, mắng Tăng, bà không tin nhân quả luân hồi. Đặc biệt bà rất bòn xén, chẳng bao giờ bố thí cho ai, kể cả bố thí cho con kiến hạt gạo. Vì thế, sau khi chết bà phải chịu quả báo như thế. Ông tuy là con người hiếu đạo, thương cha nhớ mẹ, muốn đền đáp thâm ân, nhưng sức của cá nhân giới hạn, dù đã có thần thông, một mình ông cũng không thể giải cứu nghiệp lực của bà Thanh Đề. Ông hãy đợi đến rằm tháng bảy, ngày chُر Tăng mãn hạ, thiết lễ Vu Lan nhờ chُر Tăng chú nguyện, mẹ ông mới thoát khỏi cảnh địa ngục.

Theo như lời Phật dạy, ngày Rằm tháng bảy, Mục Kiền Liên sắm sửa trai diên, dâng cúng mười phương Tăng, và nhờ thần lực của chُر Tăng chú nguyện.

Quả như vậy, với đạo nghiệp tán tu 3 tháng, chُر Tăng không những giúp cho bà Thanh Đề, mà nhiều nhiều người khác trong ngày đó cũng thoát khỏi cảnh địa ngục tối tăm.

Kinh Vu Lan, lễ Vu Lan, và gọi là ngày Rằm xá tội vong

nhơn có từ đó. Vu Lan Bồn có nghĩa là mở sợi dây treo ngược cho người có tội. Trung Quốc gọi là giải đảo huyền.

Vào thời Đức Phật, Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là hai cánh tay đắc lực của đức Phật. Cả hai đã làm cho ngoại đạo kính sợ. Xá Lợi Phất đã dùng trí tuệ biện tài chinh phục bọn ngoại đạo. Với dũng khí kiên cường năng động. Mục Kiền Liên dùng thần thông lần lượt bọn ngoại đạo. Bởi thế hàng ngoại đạo rất ghét Mục Kiền Liên hơn hết, và tìm cơ hội bức hại.

Một hôm trên đường đi du hóa trở về, Xá Lợi phất và Mục Kiền Liên bị đồ đệ Bảo Lạc Noa, thuộc phái Ni Kiền Tử, thường gọi là phái lửa hình đem gậy gộc ra chặn đường gây sự: Bọn này hỏi Xá Lợi Phất: “Trong chúng chúng mạng (tự xưng của phái lửa hình) có sa môn không?” Vốn bậc trí tuệ, đoán biết được ý đồ của Bảo Lạc Noa, Xá Lợi phất nói: “Chúng chánh mạng sa môn không. Chúng Thích Ca sa môn có, nếu A La Hán còn tham ái là không có kẻ ngu si”. Không hiểu ý, tưởng đó là lời khen mình, họ để cho xá Lợi Phất đi.

Bọn lửa hình xây qua hỏi Mục Kiền Liên. Giọng đánh thép, Mục Kiền Liên đáp: “Trong chúng của các ông làm gì có sa môn”. Cho là giọng trịch thượng, bọn lửa hình tức giận, vác gậy gộc đánh Mục Kiền Liên. Không chịu nổi trận đòn, Mục Kiền Liên bất tỉnh, tưởng là địch thủ đã chết, bọn lửa hình bỏ đi...Xá Lợi Phất trở lại tìm xem bạn như thế nào. Thấy Mục Kiền Liên bất tỉnh thân thể tím bầm, máu ra lai láng, Xá Lợi Phất lấy cà sa làm võng đưa Mục Kiền Liên về tịnh xá. Đại chúng hỏi Mục Kiền Liên: “Tôn giả là bậc có thần thông, sao lại chịu thua thiệt đến thế?”. Mục Kiền Liên liền đáp:

“Vì bất ngờ, hơn nữa, khi nghiệp lực đến, chỉ một chữ

Thần còn chưa thể được, huống là phát Thông”. Nói xong Tôn giả vào Niền bàn. Khi nghe tin Mục Kiền Liên bị ám hại, vua A Xà Thế đã phẫn nộ và đã hạ lệnh truy nã bọn lũa hình. Khi có tên nào bị bắt, nhà vua cho xử bằng cách ném sống vào hầm lửa.

Sau khi hỏa tán Mục Kiền Liên, Ngài Xá Lợi Phất, Mã Túc và Mãn Túc đã đem hài cốt của Mục Kiền Liên về trình Phật. Phật tập hợp chúng Tỳ kheo lại và dạy:

Này các vị Tỳ kheo! Hãy chiêm ngưỡng hài cốt của Mục Kiền Liên. Đã mang sắc thân, chắc chắn còn nghiệp phải trả. Nhục thể phải chịu vô thường. Do đó, sinh tử, trả nghiệp là chuyện thường tình. Không có gì phải hoang mang lo sợ. Khi xả báo thân con người nên giữ tâm hồn không nên mê muội, oán thù, sân giận. Trong các nghiệp, cận tử nghiệp là nghiệp nặng nhất. Mục Kiền Liên vì tuyên dương giáo pháp mà phải tử nạn đó là một vinh dự, đáng cho tất cả noi gương...

6. Lời thề nguyện – Hay Bồ tát Địa Tạng Vương cứu mẹ (Bồ Tát độ cho mẹ)

Đức Phật Giảng cho Ngài Văn Thù Sư Lợi:

Lại thuở bất khả tư nghị vô số kiếp về trước, lúc đó có đức Phật hiệu là: Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, Đức Phật ấy thọ đến bốn trăm nghìn muôn ức vô số kiếp. Trong thời tượng pháp, có một người con gái dòng Bà La Môn, người này nhiều đời chứa phước sâu dày, mọi người đều kính nể, khi đi đứng lúc nằm ngồi, chư Thiên thường theo hộ vệ. Bà mẹ của người cứ mê tín tà đạo, thường khinh khi ngôi Tam Bảo. Thuở ấy, mặc dầu Thánh nữ đem nhiều

lời phương-tiện khuyên nhủ bà mẹ người, hầu làm cho bà mẹ người sanh chánh kiến, nhưng bà mẹ người chưa tin hẳn. Chẳng bao lâu bà ấy chết, thần hồn sa đọa vào Vô Gián địa ngục.

Lúc đó, Thánh Nữ biết rằng người mẹ khi còn sống không tin như quả, liệu chắc phải theo nghiệp quấy mà sanh vào đường ác. Thánh Nữ bèn bán nhà, đất, sắm nhiều hương hoa cùng những đồ lễ cúng, rồi đem cúng dường tại các chùa tháp thờ đức Phật Giác Hoa Định Tụ Tại Vương. Trong một ngôi chùa kia thấy hình tượng của đức Phật Giác Hoa Định Tụ Tại Vương đắp vẽ oai dung đủ cách tôn nghiêm.

Thánh Nữ chiêm bái tượng của đức Phật lại càng sanh lòng kính ngưỡng, tự nghĩ thầm rằng: “Đức Phật là đáng Đại Giác đủ tất cả trí huệ, nếu đức Phật còn trụ ở đời, thì khi mẹ tôi khuất, tôi đến bạch hỏi Phật, chắc thế nào cũng rõ mẹ tôi sanh vào chốn nào”.

Nghĩ đến đó, Thánh Nữ buồn tủi rơi lệ chăm nhìn tượng Như-Lai mà lòng quyến luyến mãi.

Bỗng nghe trên hư không có tiếng bảo rằng:

- Thánh Nữ đừng khóc kia, thôi đừng có bi ai quá lắm! Nay ta sẽ bảo cho người biết chỗ của mẹ người.

Thánh Nữ chấp tay hướng lên hư không mà vái rằng:

- Đức Thần nào đó mà giải bớt lòng sầu lo của tôi như thế? Từ khi mẹ tôi mất đến nay, tôi thương nhớ ngày đêm, không biết đâu để hỏi cho rõ mẹ tôi thác sanh vào chốn nào?

Trên hư không lại có tiếng bảo Thánh Nữ rằng:

- Ta là đức Phật quá khứ Giác Hoa Định Tụ Tại Vương

Như-Lai mà người đương chiêm bái đó. Thấy người thương xót nhớ mẹ tội hơn thường tình của chúng- sanh nên ta đến chỉ bảo.

Thánh Nữ nghe nói xong liền té xỉu xuống, tay chân mình mảy đều bị tổn thương. Những người đứng bên vội vàng đỡ dậy, một lát sau Thánh Nữ mới tỉnh lại rồi bạch cùng trên hư không rằng:

- Cúi xin đức Phật xót thương bảo ngay cho rõ chỗ thác sanh của mẹ con, nay thân tâm của con sắp chết mất!

Đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như-Lai bảo Thánh Nữ rằng:

- Cúng dường xong, người mau mau trở về nhà, rồi ngồi ngay thẳng nghĩ tưởng danh hiệu của Ta, thời người sẽ biết chỗ thác sanh của mẹ người.

Lễ Phật xong, Thánh Nữ liền trở về nhà. Vì thương nhớ mẹ, nên Thánh Nữ ngồi ngay thẳng niệm danh hiệu của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như-Lai trải suốt một ngày một đêm. Bỗng thấy thân mình đến một bờ biển kia. Nước trong biển đó sôi sùng sục, có rất nhiều thú dữ thân thể toàn bằng sắt bay nhảy trên mặt biển, chạy rảo bên này, xua đuổi bên kia.

Thấy những trai cùng gái số nhiều đến nghìn muôn thoát chìm thoát nổi ở trong biển, bị các thú dữ giành nhau ăn thịt.

Lại thấy quỷ Dạ Xoa hình thù đều lạ lùng: Hoặc nhiều tay, nhiều mắt, nhiều chân, nhiều đầu, răng nanh chìa ra ngoài miệng bén nhọn dường gươm, lừa những người tội gần thú dữ. Rồi quỷ lại chụp bắt người tội, tóm quắp đầu chân người tội lại, hình trạng muôn thứ chẳng dám nhìn lâu.

Khi ấy, Thánh Nữ nhờ nương sức niệm Phật nên tự nhiên không kinh sợ. Có một vị Quỷ-Vương tên là Vô Độc, đến cúi đầu nghinh tiếp, hỏi Thánh Nữ rằng:

- Hay thay Bồ-tát! Ngài có duyên sự gì đến chốn này?

Thánh Nữ hỏi Quỷ-Vương rằng:

- Đây là chốn nào?

Quỷ-Vương Vô Độc đáp rằng:

- Đây là từng biển thứ nhứt ở phía Tây núi đại Thiết Vi.

Thánh Nữ hỏi rằng:

- Tôi nghe trong núi Thiết Vi có địa ngục, việc ấy có thiệt như thế chăng?

Vô Độc đáp rằng:

- Thiết có địa ngục.

Thánh Nữ hỏi rằng:

- Nay tôi làm sao để được đến chốn địa ngục đó?

Vô Độc đáp rằng:

- Nếu không phải sức oai thần, cần phải do nghiệp lực. Ngoài hai điều này ra ắt không bao giờ có thể đến đó được.

Thánh Nữ lại hỏi:

- Duyên có vì sao mà nước trong biển này sôi sùng sục như thế, và có những người tội cùng với các thú dữ?”

Vô Độc đáp rằng:

- Những người tội trong biển này là những kẻ tạo ác ở cõi Diêm-Phù-Đề mới chết, trong khoảng bốn mươi chín ngày không người kế tục để làm công đức hầu cứu vớt khổ nạn cho; lúc sống, kẻ đó lại không làm được nhơn lành nào cả. Vì thế nên cứ theo nghiệp ác của họ đã gây tạo mà cảm lấy báo khổ ở địa ngục, tự nhiên họ phải lội qua biển này.

Cách biển này mười muôn do tuần về phía Đông lại có một cái biển, những sự thống khổ trong biển đó gấp bội hơn biển này. Phía Đông của biển đó lại có một cái biển nữa, sự thống khổ trong đó càng trội hơn.

Đó đều là do những nghiệp nhơn xấu xa của ba nghiệp mà cảm vờ ra, đồng gọi là biển nghiệp, chính là ba cái biển này vậy.

Thánh Nữ lại hỏi Quý-Vương Vô Độc rằng:

- Địa ngục ở đâu?

Vô Độc đáp rằng:

- Trong ba cái biển đó đều là địa ngục, nhiều đến số trăm nghìn, mỗi ngục đều khác nhau. Về địa ngục lớn thời có 18 chỗ, bậc kẻ đó có 500 chỗ đủ không lường sự khổ sở, bậc kẻ nữa có đến nghìn trăm cũng đầy không lường sự thống khổ.

Thánh Nữ lại hỏi Đại Quý-Vương rằng:

- Thân Mẫu của tôi mới khuất gần đây, không rõ thần hồn của người phải sa vào chốn nào?

Quý-Vương hỏi Thánh Nữ rằng:

- Thân mẫu của Bồ-tát khi còn sống, quen làm những nghiệp gì?

Thánh Nữ đáp rằng:

- Thân mẫu của tôi mê tín tà đạo khinh chê ngôi Tam Bảo, hoặc có lúc tạm thời tin chánh pháp, xong rồi chẳng kính. Dầu khuất không bao lâu, mà chưa rõ đọa lạc vào đâu?

Vô Độc hỏi rằng:

- Thân mẫu của Bồ-tát tên họ là gì?

Thánh Nữ đáp rằng:

- Thân phụ và thân mẫu của tôi đều dòng dõi Ba La Môn. Thân phụ tôi là Thi La Thiện Kiến. Thân mẫu tôi hiệu là Duyệt Đế Lợi.

Vô Độc chấp tay thưa Thánh Nữ rằng:

- Xin Thánh Nữ hãy trở về, chớ đem lòng thương nhớ buồn rầu quá lắm nữa. Tội nữ Duyệt Đế Lợi được sanh lên cõi Trời đến nay đã ba ngày rồi.

Nghe nói nhờ con gái của người có lòng hiếu thuận, vì mẹ mà sắm sửa lễ vật, tu tạo phước lành, cúng dường chùa tháp, thờ đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như-Lai. Chẳng phải chỉ riêng thân mẫu của Bồ-tát đặng thoát khỏi địa ngục, mà ngày đó những tội nhân Vô Gian cũng đều được vui vẻ, đồng đặng thác sanh cả”.

Nói xong, Quỷ-Vương chấp tay chào Thánh Nữ mà cáo lui.

Bấy giờ, Thánh Nữ dường chiêm bao chợt tỉnh, rõ biết việc đó rồi, bèn đối trước tháp tượng của đức Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như-Lai mà phát thệ nguyện rộng lớn rằng:

- **Tôi nguyện từ nay nhẫn cho đến đời vị lai những**

chúng-sanh mắc phải tội khổ, thì tôi lập ra nhiều phương chước (phương thức) làm cho chúng đó được giải thoát”.

Đức Phật bảo Ngài Văn-Thù Sư-Lợi rằng:

- Quí-Vương Vô Độc trước đó nay chính ông Tài Thủ Bồ-tát. Còn Thánh Nữ Bà La Môn đó, nay là Địa-Tạng Bồ-tát vậy. *(Trích Kinh Địa Tạng Bồ tát Bốn nguyện)*

7. Ngày gặp phụ vương (Đức Phật Thích Ca độ cho cha)

Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, Ngài thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển xong, lần lần đi truyền giáo các nơi, rồi thuận đường hành hóa Đức Phật đến nước Ca Tỳ La Vệ. Được tin trước, vua Tịnh Phạn cảm mừng vô hạn, rồi tất cả Hoàng gia cũng như toàn dân Ấn Độ đều sửa soạn rước Phật trong niềm hân hoan đặc biệt.

Từ khi vượt thành xuất gia, cho đến ngày thành đạo, thấm thoát hơn hai mươi năm, hôm nay Ngài trở về, với một tấm cà sa, một bình bát đất, Đức Phật khoan thai để chân lên đất nước thân yêu. Đức độ từ bi của Phật cảm thông cả ngọn cỏ ngàn cây, nên Ngài đặt chân đến đâu thì hoa lá tươi thêm cây cối xanh tốt. Còn từng rừng người, từng loạt sóng người đã nức lên vì cảm động trong lúc người đi ngang qua.

Thế là chiều hôm đó, vua Tịnh Phạn thỉnh Phật thuyết pháp tại Hoàng cung. Ngài ngự trên pháp tọa cao, dung nghi đỉnh đạc, hào quang của Phật chiếu tỏa một màu sáng dịu.

Khi ấy vua Tịnh Phạn liền đứng dậy đến trước Phật đánh lễ rồi bạch:

- Kính cẩn bạch đáng Vô Thượng Sư! Tôi nay già cả xin

Ngài chỉ cho một phương pháp tu hành để được giải thoát các khổ lão, bệnh, tử.

Đức Phật bùi ngùi khi thấy Phụ Hoàng đầu bạc da nhăn, chân bước run run. Than ôi, tất cả khí tượng hiên ngang của vị Đế vương oanh liệt lúc thiếu thời, nay còn đâu nữa. Thế Tôn thương xót, Ngài đứng dậy đỡ Phụ hoàng ngồi xuống và ôn tồn bảo:

- Kính tâu Phụ hoàng, từ khi Tất Đạt Đa xuất gia cho tới ngày thành đạo, trên đường truyền giáo Pháp độ A Nan thường bị ngoại đạo phỉ báng “Thầy nguời bất hiểu, bạc tình, chúng ta không phục”.

Kính tâu Phụ hoàng, ngoại đạo vô tri chỉ thấy cái hiểu tầm thường cạn cợt, không biết Như Lai quyết đi tìm một món quà vô giá để dâng Phụ hoàng và ban khắp chúng sanh, mà Da Du cũng có một phần trong đó. Món quà vô giá chính là câu Phụ hoàng hỏi đấy.

Kính tâu Phụ hoàng! Tất cả các pháp đều vô thường, công danh như bọt, tình ái như mây, tuổi trẻ qua mau như làn điện chớp, thế mà chúng sanh chỉ bám víu theo các pháp vô thường, mà quên cái thường còn của mình là “Phật tánh”.

Tâu Phụ hoàng, chúng sanh đều có Phật tánh, nên ai cũng có thể phát triển khả năng thành Phật cả. Nhưng những phương pháp để phát triển khả năng thành Phật có nhiều lối, song chỉ có Pháp môn niệm Phật là thuận tiện và dễ dàng hơn hết. Như Lai khi thành Chánh giác đã dùng Phật nhãn xem khắp thế giới trong mười phương, thì chỉ có thế giới “Cực Lạc” là an vui hơn cả. Đấng Chánh biến tri ở nước Cực Lạc hiệu là A Di Đà từ kiếp xa xưa, trong lúc tu nhân Ngài đã phát 48 lời nguyện, trong ấy có lời nguyện: “Nếu chúng sanh trong tất cả mười phương, người nào phát tâm tin tưởng, phát

chí tâm niệm danh hiệu ta, người ấy khi lâm chung chắc chắn được vãng sanh, nếu không như nguyện ta thì không thành Chánh giác.

Tâu Phụ hoàng! “Cực Lạc” là một thế giới an vui, chúng sanh về bên ấy chẳng những không còn bị khổ: già, bệnh, chết, oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc ... mà cũng không bao giờ thấy khổ, nghe khổ. Cõi nước thanh tịnh đầy đủ trợ duyên để chúng sanh tu hành chóng được thành tựu đạo quả.

Kính tâu Phụ hoàng! Thập phương Như Lai tu hạnh thành Phật, nói lời đúng đắn lợi ích chúng sanh. Vậy Phụ hoàng và tất cả Thích chủng nên tin tưởng, thật hành Pháp môn niệm Phật, thì chắc chắn sẽ được thoát các khổ: Sanh, Lão, Bệnh, Tử...

Khi vua Tịnh Phạn, Di mẫu và Da Du Đà La cùng tất cả Thích chủng được nghe pháp âm của Phật đều phát tín tâm mạnh mẽ, liền chứng “Vô sanh pháp nhẫn”.

Thế Tôn mỉm cười thuyết bài kệ:

“Thích chủng có trí tuệ,
Nghe pháp của Như Lai,
Phát tâm chuyên niệm Phật,
Người ấy khi mạng chung,
Quyết sanh về Cực Lạc,
Được thấy Phật A Di Đà,
Quán Âm cùng Thế Chí,
Chắc chắn thành Bồ Đề”.

Thích nữ Cát Tường

Cung phụng cha mẹ sung sướng một đời chưa gọi là hiếu, làm cho cha mẹ đời đời an vui mới là chí hiếu.

8. Tịnh Phạn Vương Niết Bàn (Phật Thích Ca Mâu Ni báo hiếu cha)

Bấy giờ, Tịnh-Phạn-Vương đau nặng sắp mất, trông nhớ Đức Phật, cùng con thứ là Nan-Đà, điệt tử A-Nan và tôn tử La-Vân.

Đức Phật biết được, liền cùng các vị ấy dùng sức thần túc đi đến vương cung. Khi đến nơi Đức Thế-Tôn phóng ánh sáng rực rỡ báo tin cho hay trước, rồi vào cung an ủi rằng:

- Xin Phụ-vương chớ lo buồn suy nghĩ, vì tất cả pháp hữu vi đều vô thường và đạo đức của Phụ-vương cũng đã thuần bị.

Nói xong, từ trong áo cà-sa, Đức Thế-Tôn đưa ra cánh tay sắc vàng, bàn tay như hoa sen, rờ nơi trán vua cha, ân cần thuyết pháp. Sau khi nghe Phật an ủi và nói pháp yếu, Tịnh-Phạn-Vương trong lòng vui vẻ, nắm tay Phật để lên ngực mình, rồi thưa rằng:

- Đức Như-Lai là bậc chí nhân, chúng-sanh nào thấy từ dung, nghe thuyết pháp, đều được lợi ích. Nay tôi được chiêm ngưỡng Như-Lai và thấy các vị Tôn-giả, tâm nguyện đã mãn. Xin từ đây giã biệt!

Nói xong, vua chấp hai tay nơi ngực, tỏ dấu tâm lễ Đức Thế-Tôn, rồi yên ổn mà qua đời. Lúc ấy bàn tay của Phật còn để trên ngực vua cha.

Khi đó, các hàng Thích-tử theo nghi thức tắm rửa tắm liệm, rồi để kim quan Tịnh-Vương ra nơi bảo tòa. Đức Phật nghiêm túc đứng trước, Nan-Đà và La-Vân đứng sau linh quan. Ngài A-Nan quỳ bạch Phật rằng:

- Xin Thế-Tôn cho con đỡ linh quan của bá phụ.

La-Vân lại thưa:

- Con cũng xin đỡ quan quách của tổ vương.

Bấy giờ Đức Thế-Tôn nghĩ người đời sau phần nhiều ngỗ nghịch với cha mẹ, không tưởng đến ân dưỡng dục; Ngài muốn làm gương khuyến hóa kẻ bất hiếu hậu thế, nên đưa tay ra sắp đỡ linh quan để lên vai. Lúc ấy cõi Đại-thiên hốt nhiên chấn động sáu cách, các núi lớn nhỏ đều rung chuyển mạnh. Tất cả chư thiên ở Dục-giới đồng bay xuống phó tang. Phương bắc, Tỳ-Sa-Môn thiên-vương đem các thần Dạ-xoa, phương đông Đề-Đầu-Lại-Tra thiên-vương đem các thần Kỹ-nhạc, phương nam Tỳ-Lâu-Lặc-Xoa thiên-vương đem các thần Cưu-bàn-trà, phương tây Tỳ-Lưu-Bác-Xoa thiên-vương cũng đem các Long-thần bay xuống. Bốn vị Thiên-vương thành khẩn quỳ bạch Phật, xin cho mình thay thế đỡ linh quan vua Tịnh-Phạn. Đức Thế-Tôn nhận lời, rồi tự bùng lư hương chậm rãi dẫn tang đi trước, đến chỗ trà tỳ. (Kinh Tịnh-Phạn-Vương-Bát-Niết-Bàn);

9. Vì sao phải Niệm Phật? ("Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả")

Ngày xưa, có một phú ông rất sùng mộ đạo Phật. Phú ông xuất tiền xây cất một ngôi Chùa cực kỳ nguy nga tráng lệ. Ông già hảo tâm ấy lại có tính hiếu kỳ. Sau khi hoàn thành ngôi Bảo điện ông già muốn có một điểm gì đặc biệt khác thường nên ông chạm trổ một bức hoành phi thật đẹp và khắc sáu chữ vàng "Nam mô A Di Đà Phật" bằng chữ phạn rồi treo trước chánh điện. Những học giả và bô lão trong làng đều chịu không biết là chữ gì. Họ rất thánh phục Phú ông,

cho Phú ông là một học giả uyên bác, thông hiểu cả Phạn ngữ. Kỳ thật thì Phú ông đã nhờ một Pháp sư người Ấn Độ viết cho sáu chữ đó.

Được thiên hạ trầm trồ khen ngợi bao nhiêu thì tính hiếu kỳ tự đắc của Phú ông càng bị kích thích bấy nhiêu. Một hôm, ông cho viết sáu chữ ấy lên các tấm bảng gỗ kèm theo mấy hàng chữ bản xứ ở dưới: “Nếu ai đọc được mấy chữ này tôi sẽ gả con gái cho làm vợ và chia một nửa gia tài”. Đoạn Phú ông cho dựng những tấm bảng đó khắp nơi trong vùng và mỗi nơi cắt một người đứng gác.

Sau khi những tấm yết thị được dựng lên các học giả, văn gia, thi sĩ và nho sinh nô nức đến xem, nhưng không một ai đọc được cả.

Một ngày nọ có chàng thanh niên bán chiếu tên Hoàng Kim Ân, đi qua một nơi có dựng bảng, thấy rất nhiều người đang chen lấn nhau vào xem chữ, dĩ nhiên là ai cũng ôm một bầu hy vọng to tướng trong lòng. Tò mò, chàng bán chiếu cũng cố len lỏi để vào cho được. Nhưng khi đến nơi, nhìn lên tấm bảng chàng chẳng hiểu cái quái gì, chỉ thấy mấy dòng chữ ngoằn ngoèo như giun bò, chàng thất vọng quay ra. Song, lúc chàng vừa quay ra thì không may đầu đòn gánh của chàng đụng ngay vào trán của một văn sĩ đang đứng bên cạnh. Hoàng Kim Ân hoảng hồn la lên “**Nam Mô A Di Đà Phật**”. Lập tức người đứng gác bảng tóm lấy cổ chàng và nói:

- Đúng người này rồi.

Hoàng Kim Ân chẳng hiểu đầu đuôi ra sao, cứ van lạy để xin lỗi vì trót vô ý để đòn gánh đụng vào trán nhà văn. Nhưng người gác nhất định không buông tha chàng, và vội vàng đưa chàng về trình với Phú ông. Chàng bán chiếu vẫn

kêu van lạy lục xin tha, nhưng người gác lại nói:

- Anh này thật đại dột, sắp được vợ đẹp và giàu sang đến nơi rồi mà không biết, còn cứ xin tha mãi! Bộ anh sợ vợ hay sao?

Hoàng Kim Ân càng hoang mang ngờ ngác thêm không hiểu chi hết và cứ bước theo người gác về nhà Phú ông.

Chả là Hoàng Kim Ân là một Phật tử rất kiên thành. Mặc dầu nhà nghèo, học ít, không được đọc kinh sách, nhưng chàng rất tin Phật, nên chỉ trì sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật và lúc nào cũng nhớ Phật, niệm Phật, dù đi đứng, nằm, ngồi không bao giờ quên cả. Niệm Phật đối với chàng đã thành một thói quen. Mỗi khi gặp nguy hiểm, hay việc gì ngoài ý muốn của chàng, chàng lại niệm Phật to hơn. Do đó, lúc vô ý để đòn gánh của mình đụng vào trán nhà văn sĩ, chàng cất tiếng niệm danh hiệu Phật, mục đích để cầu cho việc đó được vô sự. Nhưng không ngờ sáu chữ chàng niệm lại đúng với sáu chữ viết bằng chữ Phạn ở trên bảng, nên người đứng gác tưởng chàng biết những chữ ấy, nên liền tóm lấy cổ chàng rồi lôi cổ chàng về để Phú ông gả con gái cho. Khốn nỗi chàng bán chiếu không hiểu cứ tưởng là người ta bắt đi để mang “gông” vào cổ, vì đã làm sứt trán của nhà văn lúc nãy nên cứ kêu xin tha tội hoài!

Khi về tới nhà Phú ông, chàng bán chiếu mới vỡ lẽ là chàng được tôn lên hàng “học giả” để cùng sánh vai với tiểu thư, con gái Phú ông để cùng ca khúc “Phượng cầu Kỳ Hoàng”. Chàng bán chiếu thấy bàn tay của định mệnh xếp đặt lắm việc kỳ diệu quá. Bất giác chàng khẽ ngâm hai câu đối để ghi lại một biến chuyển trong quãng đời chàng mà chàng cho là vô cùng huyền bí:

“Phúc chủ, lộc thầy, bát tất con hiền, con thuận,

Thơm tay, may miệng, hà tỵ phụng thỉnh, phụng chư”.

Từ đó, Hoàng Kim Ân sống cuộc đời trưởng giả, nhưng hàng ngày chàng vẫn không quên công việc niệm Phật của quãng đời bán chiếu hồi xưa.

Một hôm, vì trái nắng trở trời, vợ chàng cảm gió. Cũng tưởng chỉ qua loa, nào ngờ mỗi ngày bệnh tình mỗi trầm trọng, cứ sốt li bì, không thuốc nào khỏi. Hoàng Kim Ân đâm lo và lúc nào cũng ngồi bên giường bệnh nhân để niệm Phật. Vừa niệm, chàng vừa đưa tay thoa từ đầu đến chân của tiểu thư, và huyền diệu thay! Hễ chàng đưa tay đến đâu là nàng cảm thấy nhẹ nhõm đến đó. Chẳng bao lâu, vợ chàng bình phục hẳn. Thật là đã “may miệng” lại “thơm tay”.

Từ đó, Hoàng Kim Ân nổi tiếng là một “Đại y sư” thành danh lừng lẫy, đồn đến tai Vua.

Thật là một sự trùng hợp ly kỳ. Cũng trong thời gian trái nắng, trái gió ấy. Công chúa cũng lâm bệnh, và bao nhiêu danh y đã được triệu vào để trị liệu cho Công chúa, nhưng đều vô hiệu. Khi tiếng tăm của Hoàng Kim Ân được đồn đến Hoàng cung, lập tức nhà vua hạ chiếu chỉ vời chàng vào để chữa cho Công chúa. Nhận được chiếu chỉ, Hoàng Kim Ân cảm thấy bối rối, lo sợ, sợ vì không biết miệng chàng còn may không nữa? Câu niệm Phật biết có còn hiệu nghiệm để chữa bệnh cho Công chúa nữa không? Mặc dầu lo sợ, song không cách nào để khước từ mệnh lệnh của nhà Vua, bởi vậy chàng đành “nhắm mắt đưa chân” và chỉ tin tưởng vào sức vạn năng của một câu niệm Phật chí thành, đã đến chỗ nhất tâm bất loạn.

Khi tới Hoàng cung, Hoàng Kim Ân được đưa ngay vào phòng bệnh của Công chúa. Chàng đuổi hết người hầu cận ra ngoài. Trong phòng chỉ còn có chàng và Công chúa. Bây giờ

chàng bắt đầu chữa cho Công chúa bằng phương thần dược: Miệng chàng niệm Phật, tay chàng thoa vào đầu và mình mảy Công chúa. Công chúa ngạc nhiên và không thấy y sư cho uống thuốc gì cả, mà trong người thì cứ thấy nhẹ nhàng dần, rồi cuối cùng như một chiếc đũa thần hể tay Hoàng Kim Ân đưa đến đâu là bệnh hết đến đấy. Mừng và lạ quá, Công chúa chạy vào tâu với Hoàng hậu và Đức Vua. Nhà Vua thấy con mình bình phục mau quá cũng hết sức ngạc nhiên và trong bụng nghĩ thầm Hoàng Kim Ân đúng là “Thánh sư”.

Nhà Vua hạ lệnh mở yến ăn mừng và khoản đãi “Thánh sư”. Trong bữa tiệc không thiếu một thứ gì, đủ cả sơn hào hải vị. Trong lúc rượu đã ngà ngà, Nhà Vua nhìn ra sân, nơi có đắp một con rồng thật lớn nói với Hoàng Kim Ân:

- Trẫm đồ khanh biết trong miệng con rồng kia có cái gì? Nếu khanh nói đúng, Trẫm sẽ cho làm phò mã và gả Công chúa cho, bằng không trẫm bắt tội!

Nguy to rồi, nếu lần này mà cái miệng của chàng hết “may” thì đến “du địa phủ”. Đầu óc Hoàng Kim Ân lúc này thật là rối tung xoe, như một túi bông bong vậy. Chàng tự nghĩ: “Nếu không nói đúng, chắc mình phải chết, còn nếu nói đúng thì cái nghĩa “tào khang chi thể” mới làm sao đây?”. Thật là tiến thoái lưỡng nan. Đúng cũng khổ mà không đúng thì chết. Chàng cứ băn khoăn lo lắng, tự nghĩ đời tàn, bất giác chàng than một câu để thương cho số phận: Hoàng Kim Ân! Nhưng chàng vừa dứt lời thì bỗng nhà Vua vỗ tay reo và truyền gọi Công chúa ra dâng cho chàng một ly rượu. Hoàng Kim Ân ngơ ngác, không hiểu ra sao. Chàng còn đang ngơ ngác thì nhà Vua nói:

- Khanh nói đúng, thật là Thánh sư! Trẫm có cất chiếc “Hoàng Kim Ân” trong miệng rồng đó! Kỳ diệu biết bao!

Tưởng mình chết đến nơi, kêu tên mình lên để than thở cho số phận, không ngờ tên mình lại trùng với tên có giấu bằng vàng ròng của nhà Vua, chết thì thoát rồi, còn việc phò mã và lấy Công chúa thì sao? Hoàng Kim Ấn vập đầu xin nhà Vua tha cho tội đó, viện lẽ mình đã có vợ và phải giữ trọn đạo thủy chung. Nhà Vua cảm kích vì người có tiết nghĩa, không nỡ ép buộc, liền ban thưởng thật trọng hậu rồi sai cận vệ đưa tiễn về nhà...

Huyền diệu và linh nghiệm thay sáu chữ Nam mô A Di Đà Phật khi được phát ra với niềm chí thiết, chí thành và nhất tâm bất loạn!

NGƯ ÔNG

*Ví dù muôn đấng ngàn cay,
Một câu niệm Phật tan ngay cấp kỳ!...
Niệm Phật dứt bỏ oán thù,
Lòng không hung dữ ngục tù đâu vương?
Niệm Phật mở rộng lòng thương
Oan thân bình đẳng tai ương nào vào?*



Cha mẹ ngày già yếu
Cho con trẻ khôn thêm
Thế mà ta lại quên;
Để cha mẹ buồn tủi
Một mai người khuất núi
Thương tiếc cũng như không
Chữ hiếu chưa làm xong
Đừng nói điều nhân nghĩa